



PHỤ LỤC 9.5
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Số ĐA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lự kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	58			6.076.863	4.893.358	3.494.592	1.425.523	1.425.523	2.069.069		33		
	Dự án chuyển tiếp	46			4.690.508	3.839.909	3.006.822	1.425.523	1.425.523	1.581.299		29		
	Dự án mới	12			1.386.355	1.053.450	487.770			487.770		4		
1	Dự án chuyển tiếp	46			4.690.508	3.839.909	3.006.822	1.425.523	1.425.523	1.581.299		29		
1	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ba Vi, huyện Ba Vi	1	2022-2025	9904/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022; 6778/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	124.233	105.500	105.500	40.000	40.000	65.500		1	UBND huyện Ba Vi	
2	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Minh Quang, huyện Ba Vi	1	2022-2025	9905/QĐ-UBND 15/11/2022; 6093/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	105.083	87.903	87.903	48.000	48.000	39.903		1	UBND huyện Ba Vi	
3	Cải tạo, xây dựng Trường THPT Chương Mỹ A	1	2023-2025	6690/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	88.991	80.448	80.000	40.000	40.000	40.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Cải tạo, xây dựng trường THPT Xuân Mai	1	2023-2025	6679/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	79.727	71.820	70.000	25.000	25.000	45.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	THPT Chương Mỹ B	1	2023-2026	2677/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	86.900	71.656	32.192	15.000	15.000	17.192			UBND huyện Chương Mỹ	
6	Trường THPT Chúc Động	1	2023-2026	2676/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	79.727	73.651	67.500	15.000	15.000	52.500			UBND huyện Chương Mỹ	
7	THPT Tân Lập	1	2024-2026	7266/QĐ-UBND 6/11/2023	51.801	42.583	33.000	18.000	18.000	15.000			UBND huyện Đan Phượng	
8	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1	2023-2025	09/NQ-HĐND 12/7/2023; 6292/QĐ-UBND 29/12/2023	101.683	91.626	80.000	35.000	35.000	45.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
9	Xây dựng trường THPT Hoài Đức A	1	2023-2026	12755/QĐ-UBND 16/10/2023	70.000	96.373	63.000	45.000	45.000	18.000			UBND huyện Hoài Đức	
10	Trường THPT Tiên Phong	1	2023-2027	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 1604/QĐ-UBND 26/4/2024	155.772	138.427	58.930	35.000	35.000	23.930			UBND huyện Mê Linh	
11	Xây dựng mở rộng trường cấp THPT Hợp Thanh	1	2023-2026	3475/QĐ-UBND 25/10/2023	58.000	49.472	49.400	20.000	20.000	29.400			UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMĐT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	THPT Mỹ Đức A	1	2023-2025	1604/QĐ-UBND 16/6/2023	13.938	11.461	11.461	7.000	7.000	4.461		1	UBND huyện Mỹ Đức	
13	THPT Mỹ Đức B	1	2023-2025	1605/QĐ-UBND 16/6/2023, 3539/QĐ-UBND 30/10/2023	90.000	80.145	71.900	20.000	20.000	51.900		1	UBND huyện Mỹ Đức	
14	THPT Mỹ Đức C	1	2023-2025	629/QĐ-UBND 14/4/2023	57.364	51.309	51.300	34.000	34.000	17.300		1	UBND huyện Mỹ Đức	
15	Xây dựng trường THPT Đồng Quan huyện Phú Xuyên	1	2023-2025	1843/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 285/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	112.787	99.840	63.000	30.000	30.000	33.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
16	Trường THPT Tân Dân	1	2023-2025	173/QĐ-UBND 16/01/2024	110.000	100.552	69.321	20.000	20.000	49.321		1	UBND huyện Phú Xuyên	
17	Trường THPT Phú Xuyên A	1	2024-2026	NQ số 15/NQ-HĐND 12/10/2023 1806/QĐ-UBND 19/5/2023; đc DA 1810/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	63.488	55.578	53.229	17.100	17.100	36.129			UBND huyện Phú Xuyên	
18	Trường THPT Phú Xuyên B	1	2024-2026	NQ số 15/NQ-HĐND 12/10/2023; 1807/QĐ-UBND 19/5/2023; đc DA 1566/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	42.629	38.252	31.451	11.730	11.730	19.721			UBND huyện Phú Xuyên	
19	Trường THPT Văn Cốc	1	2023-2025	4854/QĐ-UBND 26/10/2023	91.756	71.251	71.251	40.240	40.240	31.011		1	UBND huyện Phúc Thọ	
20	Trường THPT Ngọc Tảo	1	2023-2025	4853/QĐ-UBND 26/10/2023	61.564	48.009	48.009	26.795	26.795	21.214		1	UBND huyện Phúc Thọ	
21	Trường THPT Phan Huy Chú (gđ 2), huyện Quốc Oai	1	2023-2026	4416/QĐ-UBND 26/9/2023	53.836	47.321	47.321	15.000	15.000	32.321			UBND huyện Quốc Oai	
22	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	2022-2025	3180/QĐ-UBND 30/5/2023; 01/NQ-HĐND 09/4/2024	81.555	74.288	74.200	60.000	60.000	14.200		1	UBND huyện Sóc Sơn	
23	THPT Xuân Giang	1	2023-2026	8250/QĐ-UBND 29/11/2023; 01/NQ-HĐND 09/4/2024; 6287/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	89.494	69.265	62.300	24.400	24.400	37.900			UBND huyện Sóc Sơn	
24	Xây dựng trường THPT Trung Giã huyện Sóc Sơn	1	2023-2026	8249/QĐ-UBND 29/11/2023; 6392/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	198.188	160.525	139.400	70.000	70.000	69.400			UBND huyện Sóc Sơn	
25	THPT Thạch Thất	1	2024-2025	7288/QĐ-UBND 31/10/2023	39.500	34.324	34.324	14.980	14.980	19.344		1	UBND huyện Thạch Thất	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
26	THPT Hai Bà Trưng	1	2024-2026	02/NQ-HĐND 14/3/2023; 784/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	230.330	174.975	103.000	54.000	54.000	49.000			UBND huyện Thạch Thất	
27	THPT Bắc Lương Sơn	1	2024-2025	17/NQ-HĐND 25/10/2023; 569/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	29.000	24.397	24.000	12.000	12.000	12.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
28	Cải tạo nâng cấp trường THPT Thanh Oai B	1	2024-2025	11270/QĐ-UBND 30/10/2023	45.000	39.997	39.997	30.000	30.000	9.997		1	UBND huyện Thanh Oai	
29	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	1	2023-2025	12138/QĐ-UBND 09/11/2023	10.850	8.148	8.148	8.100	8.100	48		1	UBND huyện Thanh Oai	
30	THPT Thanh Oai A	1	2023-2025	11006/QĐ-UBND 12/10/2023	34.500	29.882	26.260	17.100	17.100	9.160		1	UBND huyện Thanh Oai	
31	THPT Ngô Thi Nhậm	1	2024-2025	5296/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	59.200	46.618	46.619	25.450	25.450	21.169		1	UBND huyện Thanh Trì	
32	Trường THPT Đông Mỹ (giai đoạn II)	1	2023-2025	5295/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	72.272	60.975	59.171	30.600	30.600	28.571		1	UBND huyện Thanh Trì	
33	THPT Nguyễn Quốc Trinh (Giai đoạn II)	1	2023-2025	5358/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	61.000	49.804	47.837	25.468	25.468	22.369		1	UBND huyện Thanh Trì	
34	THPT Văn Tảo	1	2023-2026	3961/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	89.157	71.888	22.880	10.560	10.560	12.320		1	UBND huyện Thường Tín	
35	Trường THPT Lý Từ Tấn	1	2023-2026	3964/QĐ-UBND 29/6/2023	85.475	74.605	70.500	29.530	29.530	40.970		1	UBND huyện Thường Tín	
36	Trường THPT Tô Hiệu	1	2023-2026	3986/QĐ-UBND 30/6/2023	119.905	98.322	59.600	45.100	45.100	14.500			UBND huyện Thường Tín	
37	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lưu Hoàng	1	2023-2025	1751/QĐ-UBND 17/2/2023	75.000	67.255	67.255	45.500	45.500	21.755		1	UBND huyện Ứng Hòa	
38	THPT Đại Cường	1	2023-2025	4683/QĐ-UBND 22/8/2023; 1229/QĐ-BQL 10/7/2024	68.000	60.026	50.684	16.860	16.860	33.824		1	UBND huyện Ứng Hòa	
39	Trường THPT Trần Đăng Ninh	1	2023-2025	2753/QĐ-UBND 26/5/2023	120.000	91.753	50.000	33.810	33.810	16.190			UBND huyện Ứng Hòa	
40	Trường THPT Ứng Hoà A	1	2023-2025	2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	146.068	122.612	90.000	57.200	57.200	32.800		1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
41	Trường THPT Sơn Tây	1	2023-2025	11/NQ-HĐND TP 21/7/2023; 878/QĐ-UBND 11/6/2024	29.935	25.293	25.293	12.000	12.000	13.293		1	UBND thị xã Sơn Tây	
42	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan	1	2024-2027	NQ số 12/NQ-HĐND 15/9/2023; 3185/QĐ-UBND 7/11/2023; 109/QĐ-BQLDA ngày 21/02/2024	370.864	203.720	171.000	71.000	71.000	100.000			UBND quận Hoàng Mai	
43	Trường THPT Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	1	2024-2027	NQ số 12/NQ-HĐND 15/9/2023; 3181/QĐ-UBND 7/11/2023; 78/QĐ-BQLDA ngày 06/02/2024	332.361	274.598	150.000	50.000	50.000	100.000			UBND quận Hoàng Mai	
44	Xây dựng Trường THPT tại ô đất G1/TH3, phường Thanh Trì	1	2024-2027	19/NQ-HĐND 22/12/2023; 2400/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	372.852	274.776	150.000	50.000	50.000	100.000			UBND quận Hoàng Mai	
45	Trường THPT Lê Lợi	1	2023-2025	Số 6341/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	164.000	132.745	132.745	40.000	40.000	92.745		1	UBND quận Hà Đông	
46	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ	1	2023-2025	Số 6320/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, số 6465/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	66.723	55.941	55.941	34.000	34.000	21.941		1	UBND quận Hà Đông	
II Dự án mới		12			1.386.355	1.053.450	487.770			487.770		4		
1	Trường THPT Hồng Thái	1	2024-2026	3896/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	96.560	68.167	51.760			51.760			UBND huyện Đan Phượng	
2	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	1	2023-2025	2557/QĐ-UBND 11/10/2023	34.295	29.264	5.700			5.700		1	UBND quận Hai Bà Trưng	
3	THPT Thăng Long	1	2024-2025	07/NQ-HĐND 28/4/2023; 2432/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	70.605	60.207	6.500			6.500		1	UBND quận Hai Bà Trưng	
4	THPT Minh Khai	1	2023-2026	19/NQ-HĐND 15/12/2022; 4973/QĐ-UBND 27/7/2024	20.684	16.660	16.590			16.590			UBND huyện Quốc Oai	
5	Xây dựng trường THPT Cao Bá Quát	1	2023-2026	04/NQ-HĐND 30/3/23; 6202/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	187.787	135.395	100.000			100.000			UBND huyện Quốc Oai	
6	THPT Sóc Sơn	1	2023-2027	65/NQ-HĐND 04/7/2023; QĐ số 6249/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	60.107	50.997	50.000			50.000			UBND huyện Sóc Sơn	
7	Trường THPT Xuân Khanh	1	2024-2027	11/NQ-HĐND TP 21/7/2023; 1566/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	297.759	202.668	54.830			54.830			UBND thị xã Sơn Tây	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	2023 - 2025	08/NQ-HĐND 12/6/2023; 4023/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	46.136	40.333	14.180			14.180		1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
9	THPT Đại Mỗ	1	2024-2025	15/NQ-HĐND ngày 09/11/2023; 1160/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	25.612	21.216	640			640		1	UBND quận Nam Từ Liêm	
10	THPT Bắc Thăng Long	1	2023-2026	4204/QĐ-UBND 07/6/2023 (CTĐT); 10187/QĐ-UBND 09/10/2024	70.378	60.497	8.920			8.920			UBND huyện Đông Anh	
11	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	1	2024-2027	03/NQ-HĐND 12/4/2024; 4220/QĐ-UBND 23/9/2024	299.992	214.638	118.400			118.400			UBND quận Đống Đa	
12	Trường THPT Hoàng Cầu	1	2024-2027	03/NQ-HĐND 12/4/2024; 4260/QĐ-UBND 25/9/2024	176.440	153.408	60.250			60.250			UBND quận Đống Đa	

PHỤ LỤC 9.6

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC GIÁO DỤC (MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS)

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	121			9.389.263	7.525.276	6.852.943	3.123.801	3.093.285	3.755.053	230.000	69		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>101</i>			<i>7.954.999</i>	<i>6.446.333</i>	<i>5.987.115</i>	<i>3.123.801</i>	<i>3.093.285</i>	<i>2.889.225</i>	<i>230.000</i>	<i>62</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>20</i>			<i>1.434.264</i>	<i>1.078.943</i>	<i>865.828</i>			<i>865.828</i>		<i>7</i>		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>101</i>			<i>7.954.999</i>	<i>6.446.333</i>	<i>5.987.115</i>	<i>3.123.801</i>	<i>3.093.285</i>	<i>2.889.225</i>	<i>230.000</i>	<i>62</i>		
1	Trường mầm non Văn Võ	1	2023-2025	8086/QĐ-UBND 01/11/2022; đc tg 6819/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	34.595	31.044	31.000	27.800	27.800	3.200	3.200	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường mầm non Đông Phương Yên	1	2023-2025	2669/QĐ-UBND 19/5/2023; 1610/QĐ-BQL 04/12/2023	76.668	66.854	66.600	29.000	24.395	37.600	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Trường mầm non Xuân Mai	1	2023-2025	10/NQ-HĐND ngày 02/7/2022; 2678/QĐ-UBND ngày 27/5/2024; đc thời gian 5395/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	21.437	16.299	16.200	5.000	5.000	11.200		1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Trường mầm non Hữu Văn	1	2023-2025	6582/QĐ-UBND 20/10/2023; đc thời gian 5435/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	31.312	27.667	27.300	10.000	10.000	17.300	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Trường tiểu học Đại Yên	1	2023-2025	5906/QĐ-UBND 15/9/2023; đc thời gian 5433/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	13.407	11.176	11.100	10.000	10.000	1.100		1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Trường THCS Đông Phương Yên	1	2023-2025	6580/QĐ-UBND 20/10/2023	63.936	55.880	55.400	20.000	20.000	35.400		1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Trường THCS Lam Điền	1	2023-2025	6581/QĐ-UBND 20/10/2023	25.506	22.174	22.154	10.000	10.000	12.154		1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Trường THCS Thủy Xuân Tiên	1	2023-2025	6692/QĐ-UBND 25/10/2023; đc thời gian 5311/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	23.551	17.507	17.500	10.000	10.000	7.500	7.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Trường THCS Trần Phú	1	2023 - 2025	6523/QĐ-UBND 13/10/2023	57.188	50.613	50.500	25.000	25.000	25.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước luyê kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Trường mầm non Song Phượng	1	2023-2026	3455/QĐ-UBND 15/5/2023; 1474/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	100.037	87.907	85.000	37.000	37.000	48.000			UBND huyện Đan Phượng	
11	Trường tiểu học Đan Phượng B	1	2023-2026	3407/QĐ-UBND 11/5/2023	132.787	103.868	98.000	47.000	47.000	51.000			UBND huyện Đan Phượng	
12	Trường THCS Tô Hiến Thành; hạng mục: Cải tạo 2 khối nhà cũ, xây mới khối nhà lớp học 3 tầng	1	2023-2026	7267/QĐ-UBND 06/11/2023	21.917	18.328	16.660	10.000	10.000	6.660			UBND huyện Đan Phượng	
13	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Đường	1	2021-2025	3989/QĐ-UBND 15/7/2020; 9082/QĐ-UBND 12/10/2023	127.944	99.458	96.774	74.100	74.100	22.674		1	UBND huyện Đông Anh	
14	Xây dựng trường tiểu học Đông Dư, huyện Gia Lâm	1	2024-2025	13/NQ-HĐND ngày 14/12/18; 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; 1374/QĐ-UBND 06/2/2024	61.179	47.916	47.000	15.000	15.000	32.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
15	Xây dựng trường THCS xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	2023-2026	4943/QĐ-UBND 28/11/2023	83.621	62.850	63.700	20.000	20.000	43.700			UBND huyện Gia Lâm	
16	Xây dựng mới trường mầm non An Khánh 3	1	2023-2026	13007/QĐ-UBND 31/10/2023	110.000	90.197	87.130	35.000	35.000	52.130			UBND huyện Hoài Đức	
17	Xây dựng thay thế Trường mầm non Văn Côn C	1	2022-2025	8772/QĐ-UBND 07/12/2022; 213/QĐ-UBND 25/01/2024	126.598	110.122	110.090	62.000	62.000	48.090		1	UBND huyện Hoài Đức	
18	Xây dựng thay thế Trường tiểu học Văn Côn	1	2023-2026	11200/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	123.863	100.199	90.000	50.000	50.000	40.000			UBND huyện Hoài Đức	
19	Xây dựng trường THCS Di Trạch	1	2022-2025	12495/QĐ-UBND 10/10/2023	176.091	134.769	34.000	20.000	20.000	14.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
20	Xây dựng Trường mầm non Văn Khê A, xã Văn Khê	1	2023-2026	3418/QĐ-UBND 30/5/2023; 7296/QĐ-UBND 30/11/2023	119.330	109.469	103.711	84.000	84.000	19.711			UBND huyện Mê Linh	
21	Xây dựng Trường mầm non Liên Mạc (khu vực Bông Mạc), xã Liên Mạc	1	2023-2026	3419/QĐ-UBND 30/5/2023; 6964/QĐ-UBND 23/11/2023	111.502	95.285	95.200	85.000	85.000	10.200			UBND huyện Mê Linh	
22	Xây mới trường MN Quang Minh	1	2023-2026	01/NQ-HĐND 30/3/2023; 815/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	132.651	98.152	98.152	25.000	25.000	73.152			UBND huyện Mê Linh	
23	Xây mới trường tiểu học Quang Minh, thị trấn Quang Minh	1	2023-2026	3420/QĐ-UBND 30/5/2023;6990/QĐ-UBND 23/11/2023	163.358	124.636	124.000	66.000	66.000	58.000			UBND huyện Mê Linh	

TT	Tên dự án	Số ĐA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lự kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24	Trường mầm non khu trung tâm thị trấn Đại Nghĩa	1	2021-2025	2555/QĐ-UBND ngày 26/10/2021; 4142/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	129.528	94.516	94.516	89.900	89.900	4.616		1	UBND huyện Mỹ Đức	
25	Trường mầm non An Mỹ	1	2023-2025	4371/QĐ-UBND 12/12/2023	14.980	12.784	12.784	5.000	5.000	7.784		1	UBND huyện Mỹ Đức	
26	Trường mầm non Mỹ Thành	1	2023-2025	3267/QĐ-UBND 27/6/2024	14.964	13.093	13.093	5.000	5.000	8.093		1	UBND huyện Mỹ Đức	
27	Xây dựng trường tiểu học và THCS chất lượng cao	1	2020-2025	2630/QĐ-UBND 25/10/2019; 4435/QĐ-UBND 12/8/2024; qđ đc tg 6177/QĐ-UBND 07/11/2024	170.000	140.410	76.700	62.000	62.000	14.700		1	UBND huyện Mỹ Đức	
28	Trường tiểu học Đại Hưng	1	2023-2026	645/QĐ-UBND 14/4/2023; 3474/QĐ-UBND 25/10/2023	70.000	63.054	59.710	30.000	30.000	29.710			UBND huyện Mỹ Đức	
29	Trường tiểu học Hương Sơn C	1	2023-2025	CT- 2507/QĐ-UBND 25/8/2023; 680/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	24.000	18.233	18.233	7.000	7.000	11.233		1	UBND huyện Mỹ Đức	
30	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Hương Sơn.	1	2023-2025	số 2764/QĐ-UBND ngày 12/09/2023	30.000	26.403	24.060	5.000	5.000	19.060		1	UBND huyện Mỹ Đức	
31	Trường tiểu học Hồng Minh	1	2021-2025	3162/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; đc thời gian 1843/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	24.302	21.025	20.636	10.000	10.000	10.636		1	UBND huyện Phú Xuyên	
32	Trường Tiểu học Nam Triều	1	2023-2025	1805/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	32.167	27.936	27.342	10.000	10.000	17.342		1	UBND huyện Phú Xuyên	
33	Cải tạo, xây mới trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	2022-2025	1984/QĐ-UBND 31/5/2023; đc thời gian 5182/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	39.253	30.318	30.318	15.500	15.500	14.818		1	UBND huyện Phú Xuyên	
34	Trường THCS Nam Triều	1	2022-2025	5146/QĐ-UBND ngày 26/10/2022; đc thời gian 5010/QĐ-UBND ngày 09/11/2024	46.612	42.271	38.200	15.000	15.000	23.200		1	UBND huyện Phú Xuyên	
35	Trường THCS Châu Can (vùng ảnh hưởng nhà máy xử lý rác Châu Can thành phố Hà Nội)	1	2023-2025	2669/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	48.327	42.631	41.078	12.500	12.500	28.578		1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
36	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Vân Phúc (điểm thôn Lầy)	1	2023-2025	01/NQ-HĐND 26/5/2023; QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	97.305	72.201	68.800	20.000	20.000	48.800		1	UBND huyện Phúc Thọ	
37	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hoa Mai (tên cũ: Xây dựng, cải tạo trường MN Hoa Mai khu A)	1	2024-2026	01/NQ-HĐND 26/5/2023; 03/NQ-HĐND 5/2/2024; 985/QĐ-UBND 24/2/2024	49.296	36.348	36.348	16.000	16.000	20.348			UBND huyện Phúc Thọ	
38	Cải tạo trường Tiểu học Hiệp Thuận	1	2024-2026	986/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	28.665	24.785	22.932	8.000	8.000	14.932			UBND huyện Phúc Thọ	
39	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Thọ Lộc	1	2024-2026	988/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	38.838	33.569	31.767	10.000	10.000	21.767			UBND huyện Phúc Thọ	
40	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Trạch Mỹ Lộc	1	2024-2026	994/QĐ-UBND ngày 24/02/2024; 4875/QĐ-UBND 03/10/2024 đc DA	10.093	7.975	7.900	4.000	4.000	3.900			UBND huyện Phúc Thọ	
41	Cải tạo trường Tiểu học Vân Nam	1	2024-2026	984/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	26.343	22.962	21.448	8.000	8.000	13.448			UBND huyện Phúc Thọ	
42	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Vân Phúc	1	2024-2026	992/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	16.778	13.460	13.460	5.000	5.000	8.460			UBND huyện Phúc Thọ	
43	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Xuân Đình	1	2024-2026	987/QĐ-UBND ngày 24/02/2024; 4360/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	47.003	35.762	35.762	15.000	15.000	20.762			UBND huyện Phúc Thọ	
44	Cải tạo trường Tiểu học Hát Môn	1	2024-2026	989/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	43.436	37.431	35.376	15.000	15.000	20.376			UBND huyện Phúc Thọ	
45	Cải tạo trường Tiểu học Vân Hà	1	2024-2026	990/QĐ-UBND ngày 24/02/2024	16.580	14.500	13.539	5.000	5.000	8.539			UBND huyện Phúc Thọ	
46	Xây dựng mới trường THCS Vân Phúc (giai đoạn 2)	1	2024-2027	21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 2212/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	100.000	88.259	80.000	25.000	25.000	55.000			UBND huyện Phúc Thọ	
47	Xây dựng, mở rộng trường THCS Phụng Thượng	1	2024-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 2254/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	70.866	60.346	55.000	17.000	17.000	38.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
48	MN Tân Hòa	1	2023-2025	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; 634/QĐ-UBND 6/3/2024	13.409	11.176	11.100	7.600	7.600	3.500		1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
49	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Đồng Yên B, huyện Quốc Oai	1	2022-2025	4473/QĐ-UBND 10/6/2022; 197/QĐ-QLDA 16/11/2023	44.804	37.662	37.662	36.500	36.500	1.162		1	UBND huyện Quốc Oai	
50	Trường tiểu học xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai	1	2022-2025	7615/QĐ-UBND 23/11/2022; 213/QĐ-UBND 27/11/2023; 18/NQ-HĐND 10/9/2024	51.777	46.227	45.695	45.250	45.250	445		1	UBND huyện Quốc Oai	
51	Trường Tiểu học Đồng Quang A, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	4890/QĐ-UBND 20/10/2023	63.777	56.378	52.190	16.200	16.200	35.990			UBND huyện Quốc Oai	
52	Trường Tiểu học Đồng Quang B, huyện Quốc Oai	1	2023-2025	4891/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	34.297	26.105	26.100	9.000	9.000	17.100		1	UBND huyện Quốc Oai	
53	TH Thị trấn Quốc Oai A	1	2023-2025	NQ số 19/NQ-HĐND ngày 15/12/2022; 1753/QĐ-UBND 05/4/2024	24.525	19.772	19.800	5.900	5.900	13.900		1	UBND huyện Quốc Oai	
54	Trường tiểu học Tân Hòa (hạng mục: Nhà tập đa năng) huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	2024-2025	1139/QĐ-UBND ngày 06/3/2023; 37/QĐ-QLDA ngày 22/01/2024	6.372	5.302	5.300	5.000	5.000	300		1	UBND huyện Quốc Oai	
55	Trường THCS Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	1	2023-2025	4889/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	36.701	25.966	24.200	9.000	9.000	15.200		1	UBND huyện Quốc Oai	
56	Trường THCS Đông Yên, huyện Quốc Oai	1	2023-2026	3874/QĐ-UBND 16/8/2023	58.920	42.634	42.600	30.000	30.000	12.600			UBND huyện Quốc Oai	
57	Xây dựng phân hiệu 2 Trường mầm non Phù Lỗ	1	2022-2025	8842/QĐ-UBND 11/11/2022; 3784/QĐ-UBND ngày 16/6/2023; QĐ đc thời gian 7789/QĐ-UBND 05/11/2024	70.408	55.939	55.939	29.000	29.000	26.939		1	UBND huyện Sóc Sơn	
58	Xây dựng trường tiểu học Phú Cường khu B	1	2023-2025	9911/QĐ-UBND 12/12/2022; 7759/QĐ-UBND 14/11/2023; 934/QĐ-UBND 27/11/2023	76.343	57.917	54.559	35.000	35.000	19.559	19.559	1	UBND huyện Sóc Sơn	
59	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hương Đình	1	2023-2025	2813/QĐ-UBND 19/6/2019; 7332/QĐ-UBND 31/10/2023	23.292	20.441	19.610	10.000	10.000	9.610	9.610	1	UBND huyện Sóc Sơn	
60	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc Sơn	1	2022-2025	3190/QĐ-UBND 31/5/23	41.219	28.738	28.200	13.000	13.000	15.200	15.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước luy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Phú	1	2023-2025	3296/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	11.520	9.748	9.740	9.000	9.000	740		1	UBND huyện Sóc Sơn	
62	Xây dựng phần hiệu 2 trường THCS Nguyễn Du	1	2022-2025	9912/QĐ-UBND 12/12/2022; 86/QĐ-BQLDA 06/02/2024; đc thời gian 7798/QĐ-UBND 05/11/2024	86.898	68.332	67.800	35.000	35.000	32.800	32.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
63	Xây dựng, cải tạo Trường Mầm non Bình Yên B (điểm Hòa Lạc)	1	2022-2025	4240/QĐ-UBND 06/6/2022; 7285/QĐ-UBND 31/10/2023; 5366/QĐ-UBND 19/11/2024 (ĐC thời gian)	46.649	40.730	40.730	37.500	37.500	3.230		1	UBND huyện Thạch Thất	
64	Xây dựng, mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Thạch Xá	1	2022-2025	4492/QĐ-UBND 01/11/2021; 7284/QĐ-UBND 31/10/2023; 5367/QĐ-UBND 19/11/2024	80.948	61.906	61.900	60.500	60.500	1.400		1	UBND huyện Thạch Thất	
65	Xây mới 24 phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Chàng Sơn	1	2022-2025	3844/QĐ-UBND 20/5/2022; 6102/QĐ-UBND 11/8/2022; 7290/QĐ-UBND 31/10/2023; đc tg 5357/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	90.089	61.154	61.150	60.000	60.000	1.150		1	UBND huyện Thạch Thất	
66	Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng	1	2022-2025	4501/QĐ-UBND 02/11/2021; 7301/QĐ-UBND 31/10/2023; đc tg 5353/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	77.380	59.397	59.390	57.000	57.000	2.390		1	UBND huyện Thạch Thất	
67	Xây dựng mới Trường Mầm non Kim Quan	1	2022-2025	5037/QĐ-UBND 01/7/2022; 7300/QĐ-UBND 31/10/2023	102.240	77.509	77.470	76.600	76.600	870		1	UBND huyện Thạch Thất	
68	Xây dựng trường Tiểu học Hữu Bằng (xây điểm mới)	1	2022-2025	4302/QĐ-UBND 09/6/2022; 7302/QĐ-UBND 31/10/2023; 5352/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	99.834	73.782	72.900	68.000	68.000	4.900		1	UBND huyện Thạch Thất	
69	Xây mới phòng học, khu giáo dục thể chất, cải tạo nhà lớp học, bộ môn, hiệu bộ, sân vườn, phụ trợ trường Tiểu học Hạ Bằng	1	2022-2025	4500/QĐ-UBND 02/11/2021; 7291/QĐ-UBND 31/10/2023; 9881/QĐ-UBND 29/12/2023; đc tg 5351/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	61.270	54.844	54.840	51.500	51.500	3.340		1	UBND huyện Thạch Thất	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lự kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
70	Xây dựng trường Tiểu học Kim Quan (xây điểm mới)	1	2022-2025	2697/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 5532/QĐ-UBND 21/7/2022; 7299/QĐ-UBND 31/10/2023; đc tg 5348/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	99.062	76.050	74.840	73.800	73.800	1.040		1	UBND huyện Thạch Thất	
71	Trường THCS Hữu Bằng	1	2018-2025	3060/QĐ-UBND 30/8/2018; đc tg 5354/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 6696/QĐ-UBND 29/12/2021; 7292/QĐ-UBND 31/10/2023	77.442	59.594	58.600	55.500	55.500	3.100		1	UBND huyện Thạch Thất	
72	Mở rộng, xây phòng học, nhà đa năng, phụ trợ trường THCS Thạch Xá	1	2023-2025	20/NQ-HĐND 21/10/2022 (CT); 861/QĐ-UBND 21/2/2024	74.615	57.468	50.000	20.000	20.000	30.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
73	Mở rộng, xây phòng học, nhà đa năng, phụ trợ Trường THCS Chàng Sơn	1	2024-2027	26/NQ-HĐND 15/12/2023; 2514/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	84.987	58.803	42.846	17.846	17.846	25.000			UBND huyện Thạch Thất	
74	Trường mầm non Xuân Dương (khu trung tâm)	1	2022-2025	1160/QĐ-UBND 18/3/2022; 6827/QĐ-UBND 24/9/2024	75.000	54.424	53.100	53.100	27.189	25.911		1	UBND huyện Thanh Oai	Cấp bù KHV năm 2025 do: năm 2022 KHV cấp 53,1 tỷ đồng; giải ngân 27.189,996 triệu đồng; Vốn kéo dài năm 2023: 25.911,004 triệu đồng không giải ngân được do vướng mắc GPMB; Huyện đã nộp trả NSTP tại giấy nộp tiền ngày 26/4/2024: 25.911,004 triệu đồng. Sau cấp bù không làm tăng KHV trung hạn của dự án.
75	Xây dựng mới trường mầm non Tam Hưng A (điểm trường thôn Song Khê)	1	2024-2025	16/NQ-HĐND 31/10/2022; 3218/QĐ-UBND 12/4/2024	48.500	38.767	38.000	18.000	18.000	20.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
76	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Cao Dương	1	2023-2025	485/QĐ-UBND ngày 20/01/2024; 6826/QĐ-UBND 24/9/2024	80.000	47.200	47.200	30.000	30.000	17.200		1	UBND huyện Thanh Oai	
77	Xây mới trường THCS Thị trấn Văn Điển (cơ sở 2)	1	2024-2027	16/NQ-HĐND ngày 21/05/2020; 431/QĐ-UBND 19/02/2024	201.496	175.320	160.000	55.000	55.000	105.000			UBND huyện Thanh Trì	
78	Trường mầm non Minh Cường, huyện Thường Tín	1	2022-2025	6592/QĐ-UBND 14/11/2023; 4560/QĐ-UBND 05/11/2024	31.997	27.659	27.000	17.000	17.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
79	Trường mầm non Liên Phương, huyện Thường Tín	1	2023-2025	6684/QĐ-UBND 16/11/2023	79.826	66.935	64.000	42.700	42.700	21.300		1	UBND huyện Thường Tín	
80	Xây dựng trường THCS Hà Hồi, huyện Thường Tín	1	2023-2026	7800/QĐ-UBND 31/12/2022; 10/NQ- HĐND ngày 11/7/2023; 7284/QĐ-UBND 21/11/2013	123.825	92.527	92.415	78.000	78.000	14.415	14.415		UBND huyện Thường Tín	
81	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín	1	2022-2025	3988/QĐ-UBND 30/6/2023 12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	128.000	89.807	72.500	50.000	50.000	22.500		1	UBND huyện Thường Tín	
82	Xây dựng trường tiểu học Lam Hoàng đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	1	2023-2025	5009/QĐ-UBND 13/9/2023	40.000	34.572	31.143	15.000	15.000	16.143		1	UBND huyện Ứng Hoà	
83	Xây dựng, cải tạo trường tiểu học Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2025	NQ 08 ngày 21/6/2023; 7536/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	45.793	35.824	35.823	17.000	17.000	18.823		1	UBND huyện Ứng Hoà	
84	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu chuẩn quốc gia – mức độ 2	1	2024-2026	QĐ 3533/QĐ-UBND ngày 24/08/2021; QĐ số 4346/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	87.000	70.914	50.563	20.000	20.000	30.563			UBND huyện Ứng Hoà	
85	Xây dựng trường tiểu học Vạn Thái đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	1	2023-2025	4969/QĐ-UBND 12/9/2023	33.500	27.028	27.014	8.000	8.000	19.014		1	UBND huyện Ứng Hoà	
86	Nhà đa năng, nhà chức năng 2 tầng 6 phòng, trường tiểu học xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2025	4712/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	23.209	19.343	19.340	5.900	5.900	13.440		1	UBND huyện Ứng Hoà	
87	Xây dựng mới Trường THCS xã Viên Nội	1	2022-2025	410/QĐ-UBND 20/5/2022; 1218/QĐ-BQL ngày 29/11/2022; đc đa 6166/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	97.262	83.111	83.110	73.700	73.700	9.410	9.000	1	UBND huyện Ứng Hoà	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMDT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
88	Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn mức độ 2	1	2023-2025	02/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 4728/QĐ-UBND ngày 29/6/2024	54.000	46.358	37.500	7.500	7.500	30.000		1	UBND huyện Ứng Hoà	
89	Xây dựng trường THCS Đại Hùng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. HN	1	2023-2025	7940/QĐ-UBND 08/12/2023	30.000	23.643	23.643	7.500	7.500	16.143		1	UBND huyện Ứng Hoà	
90	Xây dựng trường Mầm non Trung Sơn Trầm	1	2024-2027	794/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	133.131	105.178	77.200	35.000	35.000	42.200			UBND thị xã Sơn Tây	
91	Trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	1	2023-2026	578/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	124.391	95.266	87.700	35.000	35.000	52.700	30.000		UBND thị xã Sơn Tây	
92	Mở rộng và xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Trung Hưng	1	2024-2027	877/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	56.966	44.460	38.700	13.905	13.905	24.795			UBND thị xã Sơn Tây	
93	Xây dựng trường THCS Sơn Lộc	1	2024-2027	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 875/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	111.002	94.984	75.800	25.000	25.000	50.800			UBND thị xã Sơn Tây	
94	Mở rộng và xây dựng nhà lớp học, nhà bộ môn trường THCS Trung Hưng	1	2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 16/11/2021; 26/NQ-HĐND 14/12/2023; 876/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	84.844	68.687	50.000	20.000	20.000	30.000			UBND thị xã Sơn Tây	
95	Xây dựng Trường THCS Cổ Đông	1	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 250/QĐ-UBND 15/3/2024	150.285	121.028	115.000	50.000	50.000	65.000			UBND thị xã Sơn Tây	
96	Xây dựng Trường mầm non Hoàng Liệt tại ô đất C1/NT3 (NT-II.7.3)	1	2024-2027	3180/QĐ-UBND 07/11/2023	116.611	96.851	96.851	50.000	50.000	46.851	8.716		UBND quận Hoàng Mai	
97	Xây dựng Trường Tiểu học Hoàng Liệt tại ô đất C1/TH2 (TH-III.15.2)	1	2024-2027	3179/QĐ-UBND 07/11/2023	276.053	242.988	242.988	90.000	90.000	152.988	50.000		UBND quận Hoàng Mai	
98	Xây dựng Trường Tiểu học Hoàng Liệt tại ô đất F4/TH2 (TH2)	1	2024-2027	3182/QĐ-UBND 07/11/2023	251.760	221.191	221.191	87.000	87.000	134.191			UBND quận Hoàng Mai	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
99	Xây dựng Trường Tiểu học tại ô đất D4/TH1 phường Trần Phú	1	2024-2027	3183/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	228.075	204.534	199.000	49.000	49.000	150.000			UBND quận Hoàng Mai	
100	Xây dựng Trường Tiểu học Yên Sở tại ô C3/TH2	1	2024-2027	19/NQ-HĐND ngày 22/12/2023; 2324/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	326.925	236.461	219.000	50.000	50.000	169.000			UBND quận Hoàng Mai	
101	Xây dựng Trường THCS tại ô đất D4/TH2, phường Trần Phú	1	2024-2027	3184/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	248.955	225.058	220.000	55.000	55.000	165.000			UBND quận Hoàng Mai	
II	Dự án mới	20			1.434.264	1.078.943	865.828			865.828		7		
1	Xây dựng Trường Tiểu học Đồng La 2	1	2024-2027	12/NQ-HĐND 27/6/2023; 4636/QĐ-UBND 05/11/2024	135.961	102.652	83.000			83.000			UBND huyện Hoài Đức	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học xã Thượng Lâm	1	2024-2027	09/NQ-UBND ngày 12/5/2022; 4931/QĐ-UBND 12/9/2024	64.839	52.310	52.310			52.310			UBND huyện Mỹ Đức	
3	Trường mầm non Long Xuyên (tên trong QĐ: Xây dựng trường mầm non Long Xuyên - giai đoạn II (điểm trường Triệu Xuyên))	1	2024-2027	4276/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	60.000	44.238	44.200			44.200			UBND huyện Phúc Thọ	
4	Trường mầm non Ngọc Tảo	1	2024-2026	01/NQ-HĐND 26/5/2023; 03/NQ-HĐND ngày 05/02/2024; QĐ số 4280/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	130.000	99.411	99.400			99.400			UBND huyện Phúc Thọ	
5	Trường mầm non Liên Hiệp (điểm trường thôn 9) (tại QĐ: Xây dựng Trường mầm non Liên Hiệp (Giai đoạn 2))	1	2023-2025	4281/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	74.468	51.995	51.900			51.900		1	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Trường Mầm Non Thanh Đa (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	1	2024-2027	21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 4275/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	115.000	85.650	85.600			85.600			UBND huyện Phúc Thọ	
7	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Trạch Mỹ Lộc xã Trạch Mỹ Lộc	1	2022-2026	17/NQ-HĐND ngày 19/7/2021; 4277/QĐ-UBND ngày 27/8/2024; đề thời gian 5305/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	105.100	80.809	80.800			80.800			UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Tên dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư dự án			KHV trung hạn 2021-2025 hỗ trợ	KHV đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV năm 2025		Dự kiến HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	TMBT	Giá trị XL+TB				Tổng số	Trong đó vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	Xây mới nhà đa năng trường THCS Hiệp Thuận	1	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 03/11/2021; 5555/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	13.811	10.978	10.978			10.978		1	UBND huyện Phúc Thọ	
9	MN Phú Mãn	1	2023-2025	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; 3277/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	29.852	23.773	23.750			23.750		1	UBND huyện Quốc Oai	
10	MN Cộng Hòa	1	2024-2026	5878/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	14.986	12.745	12.730			12.730			UBND huyện Quốc Oai	
11	TH Ngọc Liệp	1	2024-2026	19/NQ-HĐND 15/12/2022; 3780/QĐ-UBND 27/6/2024	24.504	19.512	19.500			19.500			UBND huyện Quốc Oai	
12	Trường THCS Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	2022-2025	04/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; 6611/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	24.592	20.652	9.000			9.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Xuân Thu	1	2024-2025	45/NQ-HĐND 30/8/2022; 7796/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	18.732	15.126	12.800			12.800		1	UBND huyện Sóc Sơn	
14	THCS Hồng kỳ	1	2024-2026	61/NQ-HĐND 25/4/2023; 7797/QĐ-UBND 05/11/2024	43.133	34.492	28.900			28.900			UBND huyện Sóc Sơn	
15	Trường tiểu học Cao Viên II	1	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023; 5691/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	80.000	51.797	51.800			51.800		1	UBND huyện Thanh Oai	
16	Nâng cấp, cải tạo trường THCS xã Hòa Nam	1	2024-2026	02/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 7104/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 (duyet DA)	54.000	42.769	13.160			13.160			UBND huyện Ứng Hoà	
17	Xây dựng Trường THCS Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.	1	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023; đc đa 6827/QĐ-UBND 16/9/2024	44.000	37.348	11.000			11.000		1	UBND huyện Ứng Hoà	
18	Xây dựng Trường tiểu học Viên Sơn	1	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 1713/QĐ-UBND 16/10/2024	128.015	90.493	30.000			30.000			UBND thị xã Sơn Tây	
19	Trường mầm non Trung Hưng (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	1	2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 16/11/2021; 26/NQ-HĐND 14/12/2023; 1452/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	139.583	100.815	78.000			78.000			UBND thị xã Sơn Tây	
20	Trường mầm non Phú Thịnh khu B (tại NQ là mầm non Phú Thịnh)	1	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 1454/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	133.688	101.378	67.000			67.000			UBND thị xã Sơn Tây	

Phụ lục 9.7

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025		HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB				Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	12			150.928	124.803	120.760	80.000	80.000	40.760	30.000	12		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>10</i>			<i>129.331</i>	<i>107.123</i>	<i>103.260</i>	<i>80.000</i>	<i>80.000</i>	<i>23.260</i>	<i>15.000</i>	<i>10</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>2</i>			<i>21.597</i>	<i>17.680</i>	<i>17.500</i>			<i>17.500</i>	<i>15.000</i>	<i>2</i>		
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>10</i>			<i>129.331</i>	<i>107.123</i>	<i>103.260</i>	<i>80.000</i>	<i>80.000</i>	<i>23.260</i>	<i>15.000</i>	<i>10</i>		
1	Xây mới Trạm y tế thị trấn Xuân Mai	1	2023-2025	6691/QĐ-UBND ngày 25/10/2023; 6577/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	8.450	6.767	6.000	4.500	4.500	1.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Xây dựng, cải tạo Trạm y tế thị trấn Chúc Sơn	1	2023-2025	8081/QĐ-UBND ngày 01/11/2022; 6576/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	13.445	10.566	8.400	6.400	6.400	2.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Trạm y tế xã Đại Hưng	1	2022-2025	4070/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; 956/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	10.000	8.656	8.600	8.300	8.300	300		1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Trạm y tế xã Hợp Tiến	1	2022-2025	4071/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; 598/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	14.950	12.759	12.700	12.200	12.200	500		1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Trạm y tế xã Hợp Thanh	1	2021-2025	2557/QĐ-UBND ngày 26/10/2021; 3293/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	14.788	12.477	12.000	11.900	11.900	100		1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025		HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB				Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Trạm y tế thị trấn Quốc Oai	1	2024-2025	19/NQ-HĐND ngày 15/12/2022; 921/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	8.372	6.926	6.900	3.500	3.500	3.400		1	UBND huyện Quốc Oai	
7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Quốc Oai	1	2023-2025	5154/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	19.907	16.461	16.460	10.000	10.000	6.460	6.460	1	UBND huyện Quốc Oai	
8	Cải tạo, nâng cấp Phòng khám đa khoa trung tâm	1	2023-2025	7696/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	10.573	8.955	8.950	8.000	8.000	950	950	1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp Phòng khám đa khoa Xuân Giang, Minh Phú	1	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 21/12/2022; 4080/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	19.246	15.400	15.100	8.000	8.000	7.100	6.640	1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Minh Đức	1	2023-2025	6270/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	9.600	8.157	8.150	7.200	7.200	950	950	1	UBND huyện Ứng Hòa	
II	Dự án mới	2			21.597	17.680	17.500			17.500	15.000	2		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai	1	2023-2025	19/NQ-HĐND ngày 15/12/2022; 6079/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	10.597	8.572	8.500			8.500	7.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trạm y tế xã Đại Hùng	1	2022-2025	02/NQ-HĐND ngày 21/3/2022; 7534/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 7795/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	11.000	9.108	9.000			9.000	8.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

Phụ lục 9.8

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC DI TÍCH

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	222			6.657.556	5.330.054	4.491.573	2.102.010	2.331.561	2.390.513	200		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>205</i>			<i>5.744.458</i>	<i>4.688.231</i>	<i>4.207.508</i>	<i>2.102.010</i>	<i>2.326.561</i>	<i>2.106.448</i>	<i>193</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>17</i>			<i>913.098</i>	<i>641.823</i>	<i>284.065</i>		<i>5.000</i>	<i>284.065</i>	<i>7</i>		
1	Dự án chuyển tiếp	205			5.744.458	4.688.231	4.207.508	2.102.010	2.326.561	2.106.448	193		
1	Tu bổ, tôn tạo đền Mãng Sơn	1	2024-2026	567/QĐ-UBND 12/6/2023	15.768	12.495	12.450	10.000	10.000	2.450	1	UBND thị xã Sơn Tây	
2	Tu bổ, tôn tạo đền Vua Lê	1	2024-2026	1136/QĐ-UBND 26/10/2022	32.068	25.750	25.700	15.000	15.000	10.700	1	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị di tích lịch sử Thành cổ Sơn Tây (Hạng mục: Khu tổng đốc phủ, nhà binh và sân vườn, công thành phía Đông, xây mới cầu công Tây) (Giai đoạn 1) (Ngân sách huyện bố trí phần còn lại)	1	2024-2027	1453/QĐ-UBND 02/8/2024	218.704	182.378	72.500	25.000	25.000	47.500		UBND thị xã Sơn Tây	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phương Khê, xã Phú Phương	1	2022-2025	1100/QĐ-UBND 04/3/2022; 6326/QĐ-UBND 19/11/2024	25.000	21.550	21.500	19.000	19.000	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bằng Tạ, xã Cẩm Lĩnh	1	2023-2025	9696/QĐ-UBND 08/11/2022	25.000	21.653	21.600	8.500	9.500	13.100	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phong Châu	1	2023-2025	9694/QĐ-UBND 08/11/2022; 8966/QĐ-UBND 30/12/2023	20.000	16.699	16.600	7.000	8.000	9.600	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng	1	2023-2025	9697/QĐ-UBND 08/11/2022; 8967/QĐ-UBND 30/12/2023	25.000	21.131	21.100	7.500	8.500	13.600	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lai Bò thị trấn Tây Đằng	1	2023-2025	6942/QĐ-UBND 09/11/2023	22.000	18.815	18.800	6.000	7.000	12.800	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Tu bổ tôn tạo Đình, Đền thôn Tân Phong	1	2023-2025	4906/QĐ-UBND 23/8/2023; 7488/QĐ-UBND 27/11/2023	35.000	30.889	30.800	20.000	21.000	10.800	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Tu bổ, tôn tạo chùa xóm 3, xã Minh Châu	1	2022-2025	1921/QĐ-UBND 08/5/2023	13.000	11.040	11.000	5.000	6.000	6.000	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Thứ, xã Khánh Thượng	1	2023-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023; 6385/QĐ-UBND 19/10/2023	14.000	12.020	12.000	5.000	6.000	7.000	1	UBND huyện Ba Vì	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hạc Sơn	1	2023-2025	06/NQ-HĐND 26/4/2023; 6499/QĐ-UBND 27/10/2023	25.000	21.079	21.000	6.000	7.000	15.000	1	UBND huyện Ba Vì	
13	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Quốc Gia Đền Trung	1	2022-2025	9830/QĐ-UBND 11/11/2022	44.821	38.296	38.000	30.000	30.000	8.000	1	UBND huyện Ba Vì	
14	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng	1	2023-2025	9739/QĐ-UBND 10/11/2022	30.000	25.500	25.500	20.000	20.000	5.500	1	UBND huyện Ba Vì	
15	Tu bổ, tôn tạo Miếu Ông, Miếu Bà thôn Vu Chu	1	2022-2025	498/QĐ-UBND 20/02/2024	25.000	21.308	21.300	8.000	9.000	13.300	1	UBND huyện Ba Vì	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phúc Lâm, Miếu, Văn Chỉ thôn Đồng Viên (giai đoạn 2)	1	2023-2025	1995/QĐ-UBND 08/5/2024	30.000	25.219	10.000	6.000	6.000	4.000		UBND huyện Ba Vì	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Vũ thôn Yên Bò	1	2023-2025	1033/QĐ-UBND 19/3/2024	35.000	28.814	10.000	6.000	6.000	4.000		UBND huyện Ba Vì	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phú Hữu, xã Phú Sơn	1	2024-2026	824/QĐ-UBND 07/3/2024	20.000	17.349	7.500	4.000	4.000	3.500		UBND huyện Ba Vì	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Khê Thượng	1	2023-2025	850/QĐ-UBND 11/3/2024; 5762/QĐ-UBND 31/10/2024	25.000	22.142	15.900	4.000	4.000	11.900		UBND huyện Ba Vì	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Sa, Tân Hồng	1	2023-2025	4001/QĐ-UBND 31/7/2024	45.000	36.599	10.000	6.000	6.000	4.000		UBND huyện Ba Vì	
21	Tu bổ, tôn tạo đình Hồng Thái, xã Trần Phú	1	2023-2025	8381/QĐ-UBND 11/11/2022; 6915/QĐ-UBND 25/11/2024	13.985	11.314	10.000	8.500	10.200	1.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
22	Tu bổ, tôn tạo đình Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu	1	2023-2025	8088/QĐ-UBND 01/11/2022; 6949/QĐ-UBND 26/11/2024	14.863	12.046	11.000	4.000	4.170	7.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
23	Tu bổ, tôn tạo đình Thượng, xã Văn Võ	1	2023-2025	8371/QĐ-UBND 11/11/2022; 6890/QĐ-UBND 23/11/2024	15.807	12.765	11.000	2.000	2.179	9.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
24	Tu bổ, tôn tạo đình Yên Lạc, xã Đồng Lạc	1	2023-2025	8372/QĐ-UBND 11/11/2022; 6892/QĐ-UBND 23/11/2024	18.531	15.032	14.000	5.000	5.208	9.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
25	Tu bổ, tôn tạo chùa Yên Nhân, xã Hòa Chính	1	2023-2025	7135/QĐ-UBND 13/11/2023; 6598/QĐ-UBND 12/11/2024	9.554	7.696	7.000	3.500	4.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
26	Tu bổ, tôn tạo đình Yên Nhân, xã Hòa Chính	1	2023-2025	7133/QĐ-UBND 13/11/2023; 1269/QĐ-BQL 16/9/2024; 6599/QĐ-UBND 12/11/2024	17.319	14.580	10.000	4.000	5.000	6.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
27	Tu bổ, tôn tạo đình Cốc Hạ, xã Hoàng Diệu	1	2023-2025	8089/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	11.065	8.723	8.700	3.000	3.000	5.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
28	Tu bổ, tôn tạo quán Lương Sơn, xã Đông Sơn	1	2023-2025	8370/QĐ-UBND 11/11/2022	18.992	15.416	14.000	4.500	4.500	9.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
29	Tu bổ, tôn tạo đình Lương Xá, xã Lam Điền	1	2023-2025	8373/QĐ-UBND 11/11/2022; 6891/QĐ-UBND 23/11/2024	24.111	19.278	19.200	18.220	18.220	980	1	UBND huyện Chương Mỹ	
30	Tu bổ, tôn tạo Quán Ngoại, xã Tiên Phương	1	2023-2025	7473/QĐ-UBND 11/11/2022	19.422	15.806	11.500	7.700	7.700	3.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	
31	Tu bổ, tôn tạo đình Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn	1	2024-2025	7134/QĐ-UBND 13/11/2023; 4180/QĐ-UBND 26/7/2024	25.826	20.668	19.000	8.000	8.000	11.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
32	Đầu tư xây dựng khu trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại di tích Chùa Trầm	1	2023-2026	6680/QĐ-UBND 24/10/2023	183.825	146.601	145.000	35.000	35.849	110.000		UBND huyện Chương Mỹ	
33	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích chùa Trầm, xã Phụng Châu	1	2023-2026	7167/QĐ-UBND 14/11/2023	92.032	74.561	65.000	20.000	20.000	45.000		UBND huyện Chương Mỹ	
34	Tu bổ, tôn tạo chùa Trầm gian, xã Tiên Phương	1	2023-2026	2648/QĐ-UBND 19/5/2023; 2742/QĐ-UBND 25/5/2023	88.576	73.715	73.700	25.000	25.000	48.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
35	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hạ Hội, xã Tân Lập	1	2023-2025	6512/QĐ-UBND 06/10/2023	19.883	16.179	16.000	10.000	10.000	6.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
36	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Tiến, xã Trung Châu; hạng mục: Đại bái và các hạng mục phụ trợ	1	2023-2025	83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; 5902/QĐ-UBND 14/9/2023	12.980	10.686	10.600	6.000	6.500	4.600	1	UBND huyện Đan Phượng	
37	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đồng Khê, xã Đan Phượng	1	2023-2025	2991/QĐ-UBND 19/4/2023	19.813	15.997	15.900	6.000	8.000	9.900	1	UBND huyện Đan Phượng	
38	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bồng Lai, xã Hồng Hà	1	2024-2025	83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; 1061/QĐ-UBND 07/02/2024	14.993	13.224	12.000	4.000	6.000	8.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
39	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ	1	2022-2025	6404/QĐ-UBND 29/9/2023	37.375	31.402	30.566	15.000	15.000	15.566	1	UBND huyện Đan Phượng	
40	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thạc Quả, xã Dục Tú	1	2022-2025	13482/QĐ-UBND 02/11/2022; 11974/QĐ-UBND 20/11/2024	31.098	23.837	23.800	16.500	22.900	7.300	1	UBND huyện Đông Anh	
41	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Hà, xã Bắc Hồng	1	2022-2025	7695/QĐ-UBND 23/6/2022	52.131	46.344	45.000	31.000	40.783	14.000	1	UBND huyện Đông Anh	
42	Tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị di tích đình, chùa Đào Thục, xã Thụy Lâm	1	2022-2025	7324/QĐ-UBND 27/10/2020; 11976/QĐ-UBND 20/11/2024	92.337	73.971	70.000	55.000	65.166	15.000	1	UBND huyện Đông Anh	
43	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Chải (giai đoạn 2)	1	2024-2026	CT - 6555/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; DA-342/QĐ-UBND 16/01/2024	34.985	26.972	25.000	10.000	10.500	15.000	1	UBND huyện Đông Anh	
44	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, chùa, miếu thôn Lại Đà (GD2)	1	2024-2027	CT- 15039/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; DA - 872/QĐ-UBND 02/02/2024	63.328	51.860	50.000	16.500	17.350	33.500	1	UBND huyện Đông Anh	
45	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình - chùa Lê Phấp	1	2022-2025	15276/QĐ-UBND 07/12/2022	29.131	23.053	21.000	15.000	16.148	6.000	1	UBND huyện Đông Anh	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
46	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, đền Tô, xã Uy Nỗ	1	2022-2025	12592/QĐ-UBND 14/10/2022	32.989	26.198	25.000	15.000	16.454	10.000	1	UBND huyện Đông Anh	
47	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xuân Trạch, xã Xuân Canh	1	2022-2025	12593/QĐ-UBND 14/10/2022; 11975/QĐ-UBND 20/11/2024	27.864	22.165	22.000	10.000	11.200	12.000	1	UBND huyện Đông Anh	
48	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Nộn	1	2024-2025	1687/QĐ-UBND 05/3/2024	34.892	27.000	25.000	10.000	10.500	15.000	1	UBND huyện Đông Anh	
49	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2023-2025	15412/QĐ-UBND 08/12/2022	28.463	21.791	21.700	15.000	16.177	6.700	1	UBND huyện Đông Anh	
50	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Gia Lộc	1	2024-2026	3091/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	26.111	20.121	15.000	6.000	6.500	9.000	1	UBND huyện Đông Anh	
51	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xuân Canh (giai đoạn 2)	1	2024-2026	3697/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	6.669	5.374	5.000	1.500	3.100	3.500	1	UBND huyện Đông Anh	
52	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Mạch Lũng, xã Đại Mạch	1	2024-2026	4785/QĐ-UBND 24/5/2024	23.175	19.402	9.000	5.000	9.500	4.000		UBND huyện Đông Anh	
53	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thư Cưu, xã Cổ Loa	1	2023-2025	9785/QĐ-UBND 31/10/2023	28.822	24.210	10.000	5.000	10.000	5.000		UBND huyện Đông Anh	
54	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Thượng, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 5263/QĐ-UBND 14/12/2023; 595/QĐ-QLDA ĐTXD 16/9/2024	25.704	20.774	19.500	6.500	6.500	13.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
55	Tu bổ, tôn tạo đình - chùa Hoàng Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	1	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 4937/QĐ-UBND 27/11/2023	23.152	18.840	15.500	5.500	5.500	10.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
56	Tu bổ, tôn tạo đình Đại Bản, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	1	2023-2025	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 239/QĐ-UBND 10/01/2024; 566/QĐ-QLDA ĐTXD 22/8/2024	13.267	10.607	10.600	3.500	3.500	7.100	1	UBND huyện Gia Lâm	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
57	Tu bổ, tôn tạo đình Hạ Thôn, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1	2023-2025	4942/QĐ-UBND 28/11/2023; 573/QĐ-QLDA ĐTXD 29/8/2024	14.387	11.554	8.000	3.500	3.500	4.500	1	UBND huyện Gia Lâm	
58	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Giang Xá, thị trấn Trầm Trôi	1	2023-2025	6754/QĐ-UBND 18/5/2023; 1861/QĐ-BQL 18/11/2023	29.195	25.147	13.300	8.000	8.000	5.300	1	UBND huyện Hoài Đức	
59	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Rừng (Cảnh Linh Tự, xã Tiền Yên)	1	2024-2026	25/NQ-HĐND 20/12/2023; 677/QĐ-UBND 06/3/2024	42.007	36.020	36.000	15.000	15.000	21.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
60	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Hậu Ai	1	2022-2025	7044/QĐ-UBND 02/11/2022; 4955/QĐ-UBND 25/11/2024	13.594	11.576	9.800	5.000	5.000	4.800	1	UBND huyện Hoài Đức	
61	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lại Yên, xã Lại Yên	1	2023-2025	6553/QĐ-UBND 4/10/2022	24.809	21.687	19.000	10.000	10.000	9.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
62	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Mẫu xã Cát Quế	1	2023-2025	1858/QĐ-UBND 01/6/2022	17.678	15.077	14.000	7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
63	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lại Yên (Nhạ Phúc Tự)	1	2023-2026	13006/QĐ-UBND 31/10/2023	53.648	26.610	26.600	16.000	16.000	10.600	1	UBND huyện Hoài Đức	
64	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Cồn	1	2023-2025	12496/QĐ-UBND 10/10/2023	25.702	21.847	16.800	7.000	7.000	9.800	1	UBND huyện Hoài Đức	
65	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Di Trạch, xã Di Trạch (giai đoạn 2)	1	2023-2026	13314/QĐ-UBND 14/11/2023	18.470	15.028	14.000	7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
66	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bảo Phúc, thị trấn Trầm trôi – giai đoạn 2	1	2023-2026	12547/QĐ-UBND 12/10/2023	43.016	37.755	32.000	12.000	12.000	20.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
67	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thích Ca, Xã Song Phương – giai đoạn 2	1	2023-2026	133/QĐ-UBND 07/02/2023	16.853	14.069	13.000	10.000	10.000	3.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
68	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Thượng xã Tiền Yên	1	2023-2026	8033/QĐ-UBND 23/11/2022	32.954	27.943	25.000	10.000	10.000	15.000	1	UBND huyện Hoài Đức	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
69	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cát Ngòi, xã Cát Quế	1	2023-2025	1745/QĐ-UBND 26/5/2022	14.162	11.918	11.300	8.600	8.600	2.700	1	UBND huyện Hoài Đức	
70	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lại Dụ xã An Thượng	1	2023-2025	5652; 13/10/2021 12301/QĐ-UBND 28/9/2023	15.858	13.260	13.000	12.000	12.000	1.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
71	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Sung, xã Vân Cồn	1	2023-2025	758/QĐ-UBND 11/3/2022	18.739	16.400	14.000	13.000	13.000	1.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
72	Tu bổ, tôn tạo di tích Võ chỉ Quế Dương, xã Dương Liễu	1	2023-2025	14563/QĐ-UBND 30/12/2022	12.940	10.520	9.000	5.000	5.000	4.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
73	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngải Cầu xã An Khánh giai đoạn 2	1	2023-2026	1880/QĐ-UBND 09/5/2024	31.774	25.391	14.000	8.000	8.000	6.000		UBND huyện Hoài Đức	
74	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đồng Cao	1	2023-2025	4907/QĐ-UBND 14/11/2022	55.724	43.543	43.500	40.500	41.000	3.000	1	UBND huyện Mê Linh	
75	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	1	2024-2026	3142/QĐ-UBND 20/5/2023	36.213	29.781	29.700	15.000	17.100	14.700	1	UBND huyện Mê Linh	
76	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2024-2027	6881/QĐ-UBND 15/11/2023; 2294/QĐ-UBND 11/6/2024 (TKBVTC)	50.587	44.059	43.600	23.000	25.000	20.600	1	UBND huyện Mê Linh	
77	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Yên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	1	2024-2026	806/QĐ-UBND 01/3/2024	25.601	20.285	20.200	10.000	11.200	10.200	1	UBND huyện Mê Linh	
78	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Xa Mạc	1	2024-2026	01/NQ-HĐND 29/3/2022; 852/QĐ-UBND 06/3/2023	11.102	8.845	8.800	5.000	6.250	3.800	1	UBND huyện Mê Linh	
79	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Lôi	1	2024-2026	3391/QĐ-UBND 29/5/2023	31.642	25.293	25.200	10.000	11.100	15.200	1	UBND huyện Mê Linh	
80	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cư An, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1	2024-2026	3412/QĐ-UBND 30/5/2023	27.982	23.388	23.300	10.000	11.100	13.300	1	UBND huyện Mê Linh	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
81	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Yên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	1	2024-2026	3341/QĐ-UBND 25/5/2023	33.082	27.134	27.100	10.000	11.100	17.100	1	UBND huyện Mê Linh	
82	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mạnh Trữ, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	1	2024-2026	3343/QĐ-UBND 25/5/2023	38.675	33.525	33.500	10.000	11.100	23.500	1	UBND huyện Mê Linh	
83	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hoa Sơn, xã Kim Hoa	1	2024-2026	3099/QĐ-UBND 16/5/2023	38.265	30.613	30.600	12.000	13.200	18.600	1	UBND huyện Mê Linh	
84	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Thiện, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	1	2024-2026	3143/QĐ-UBND 20/5/2023	25.963	21.085	21.000	10.000	11.200	11.000	1	UBND huyện Mê Linh	
85	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Giai Lạc, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	1	2024-2026	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 801/QĐ-UBND 29/02/2024	32.522	27.217	26.400	10.000	11.000	16.400	1	UBND huyện Mê Linh	
86	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thái Lai, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1	2024-2027	15/NQ-HĐND 27/10/2023; 800/QĐ-UBND 29/02/2024	48.859	39.853	39.800	10.000	11.000	29.800	1	UBND huyện Mê Linh	
87	Đền Cống Hạ, xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3876/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	10.000	8.447	8.400	7.500	8.000	900	1	UBND huyện Mỹ Đức	
88	Đình Phú Hữu, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	1690/QĐ-UBND 22/6/2023	30.000	24.047	24.000	9.000	9.000	15.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
89	Chùa Phúc Khê, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	3547/QĐ-UBND 30/10/2023	34.189	27.503	27.500	8.000	8.000	19.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
90	Đình Tảo Khê, xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	266/QĐ-UBND 23/02/2023; 3526/QĐ-UBND 01/7/2024	20.000	16.500	16.500	10.000	10.000	6.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
91	Đình Thượng Thôn (Đình Thượng Tuy Lai), xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	3476/QĐ-UBND 25/10/2023	32.250	24.207	24.200	9.000	9.000	15.200	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
92	Chùa Trung (Chùa Hưng Khánh), xã Phú Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2506/QĐ-UBND ngày 25/8/2023; 3809/QĐ-UBND 15/11/2023; 670/SVHTT-QLDSVH 23/02/2024; 5327/QĐ-UBND 27/9/2024	36.000	31.283	30.000	15.500	15.500	14.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
93	Quán Trê, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3877/QĐ-UBND 26/10/2022	20.000	13.486	13.400	5.000	5.000	8.400	1	UBND huyện Mỹ Đức	
94	Đình làng Cầu, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3878/QĐ-UBND 26/10/2022	20.000	15.763	15.700	5.000	5.000	10.700	1	UBND huyện Mỹ Đức	
95	Đền Hưng Nông	1	2023-2025	3350/QĐ-UBND 13/10/2023	20.000	15.747	15.400	7.500	7.500	7.900	1	UBND huyện Mỹ Đức	
96	Đền An Duyệt	1	2023-2025	3349/QĐ-UBND 13/10/2023	20.000	15.167	15.100	7.500	7.500	7.600	1	UBND huyện Mỹ Đức	
97	Đền Thượng Tiêt	1	2023-2025	3546/QĐ-UBND 30/10/2023	20.000	17.143	17.100	7.000	7.000	10.100	1	UBND huyện Mỹ Đức	
98	Chùa Khánh Long (chùa Áng Hạ), xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	4133/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	20.000	16.967	16.900	6.500	6.500	10.400	1	UBND huyện Mỹ Đức	
99	Chùa thôn Thượng, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	5011/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	20.000	15.620	15.500	5.000	5.000	10.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
100	Đền Văn Mộng, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3879/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	40.000	32.679	32.500	11.000	11.000	21.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
101	Chùa Hàm Long (chùa Khê Bộ), xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3875/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	40.000	33.068	33.000	11.000	11.000	22.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
102	Quán Ông/Đền Thông, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	2022-2025	3855/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	40.000	32.365	32.300	13.300	13.300	19.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
103	Đền La Mai, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2889/QĐ-UBND 06/6/2024	7.000	5.559	5.500	2.000	2.000	3.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
104	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	2444/QĐ-UBND 23/5/2024	26.000	19.513	19.500	6.000	6.000	13.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
105	Tu bổ, tôn tạo đình Nam Phú, thôn Nam Phú, xã Nam Phong	1	2022-2025	5514/QĐ-UBND 19/11/2022; 5314/QĐ-UBND 26/11/2024	15.544	12.365	12.365	12.365	12.915	950	1	UBND huyện Phú Xuyên	Đã không giải ngân hết vốn năm 2023. Đã hoàn trả NSTP 950 triệu đồng. Bổ trí lại KHV năm 2025 là 950 triệu đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
106	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phong Triều, xã Nam Triều	1	2023-2025	6058/QĐ-UBND 14/11/2023; 5219/QĐ-UBND 20/11/2024	18.402	14.813	14.800	5.000	6.500	9.800	1	UBND huyện Phú Xuyên	
107	Tu bổ, tôn tạo đình làng thôn Sào Thượng	1	2023-2025	5434/QĐ-UBND 15/11/2022; 5039/QĐ-UBND 11/11/2024	19.590	17.371	17.300	7.000	7.000	10.300	1	UBND huyện Phú Xuyên	
108	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Giẽ Hạ, thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên	1	2023-2025	5183/QĐ-UBND 28/10/2022; 5218/QĐ-UBND 20/11/2024	19.961	15.462	15.000	7.000	7.000	8.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
109	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Giẽ Thượng, thôn Giẽ Thượng, xã Phú Yên	1	2023-2025	5208/QĐ-UBND 28/10/2022; 5247/QĐ-UBND 21/11/2024	18.619	14.916	14.000	7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
110	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phượng Vũ, xã Phượng Dực	1	2024-2025	740/QĐ-UBND 27/02/2024	25.345	19.976	19.000	10.000	10.000	9.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
111	Tu bổ tôn tạo Đền Phúc Lâm	1	2024-2025	2903/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	18.932	15.060	13.000	5.000	5.000	8.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
112	Tu bổ tôn tạo di tích đình Lưu Xá, xã Phú Túc	1	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 709/QĐ-UBND 21/02/2024	21.305	14.648	14.000	7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
113	Tu bổ, tôn tạo miếu Lưu Xá, xã Phú Túc	1	2024-2025	số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; 774/QĐ-UBND 29/02/2024	13.023	9.527	9.500	5.000	5.000	4.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
114	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vĩnh Hạ, xã Khai Thái	1	2024-2025	2075/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	17.913	14.860	14.800	5.000	5.000	9.800	1	UBND huyện Phú Xuyên	
115	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thủy Trú, xã Bạch Hạ	1	2023-2025	3426/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	23.000	18.566	18.200	7.000	7.000	11.200	1	UBND huyện Phú Xuyên	
116	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tri Thủy, xã Tri Thủy	1	2023-2025	2076/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	22.000	18.127	18.000	6.000	6.000	12.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
117	Tu bổ, tôn tạo đình chùa Ngải Khê	1	2024-2025	1247/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	28.613	23.224	23.000	10.000	10.000	13.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
118	Tu bổ, tôn tạo di tích đền bà Ả Lanh	1	2023-2025	2512/QĐ-UBND 05/6/2024; 5031/QĐ-UBND 11/11/2024	14.773	9.964	9.900	5.000	5.000	4.900	1	UBND huyện Phú Xuyên	
119	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Đông, xã Khai Thái	1	2024-2025	2835/QĐ-UBND 19/6/2024	15.000	12.405	12.000	5.000	5.000	7.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
120	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Bảo Vệ, xã Long Xuyên	1	2023-2025	4867/QĐ-UBND 27/10/2023	11.467	9.609	8.400	7.000	7.000	1.400	1	UBND huyện Phúc Thọ	
121	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Kim Lũ	1	2023-2025	4872/QĐ-UBND 27/10/2023	16.658	13.776	13.300	10.500	10.500	2.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	
122	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thượng Cốc	1	2023-2025	4873/QĐ-UBND 27/10/2023	29.224	24.197	23.800	12.000	12.000	11.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	
123	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ân Phú, xã Xuân Đình	1	2023-2025	3228/QĐ-UBND 24/8/2023	23.719	19.917	18.000	9.500	9.500	8.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	
124	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Giáo Hạ, xã Ngọc Tảo	1	2023-2025	995/QĐ-UBND 24/02/2024	21.371	17.371	17.300	6.000	6.000	11.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
125	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Thuận Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc	1	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 19/7/2021; 967/QĐ-UBND 23/02/2024	19.636	15.809	15.800	6.000	6.000	9.800	1	UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
126	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Sen Chiêu, xã Sen Phương	1	2023-2025	20/NQ-HĐND 15/12/2022; 879/QĐ-UBND 16/02/2024	23.569	19.254	19.000	7.000	7.000	12.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
127	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hương Vĩnh, xã Ngọc Tảo	1	2023-2025	4299/QĐ-UBND 29/9/2023	22.613	19.182	19.100	7.000	7.000	12.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	
128	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Núi, xã Phụng Thượng	1	2023-2025	1789/QĐ-UBND 26/5/2022; 1184/QĐ-BQLDA 07/10/2024 (TKBVTC)	19.254	15.370	15.300	8.000	8.000	7.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
129	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ân Phú xã Xuân Đình	1	2023-2025	3117/QĐ-UBND 16/8/2023	24.078	20.119	20.100	7.000	7.000	13.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	
130	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cung Sơn, xã Tích Giang	1	2024-2026	3109/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 3796/QĐ-UBND 25/7/2024 (TKBVTC)	13.643	11.014	11.000	2.000	2.000	9.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
131	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Ba Giai, xã Tam Hiệp	1	2023-2025	6235/QĐ-UBND 19/12/2023	12.683	10.179	10.100	4.000	4.000	6.100	1	UBND huyện Phúc Thọ	
132	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Tuy Lộc xã Trạch Mỹ Lộc	1	2022-2025	4320/QĐ-UBND 15/11/2022; 4943/QĐ-UBND 09/10/2024	17.900	14.386	14.300	5.000	5.000	9.300	1	UBND huyện Phúc Thọ	
133	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Phần	1	2024-2026	996/QĐ-UBND 24/02/2024	27.493	22.650	22.600	8.000	8.000	14.600	1	UBND huyện Phúc Thọ	
134	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lục Xuân xã Võng Xuyên	1	2023-2025	2591/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	14.845	11.920	11.900	4.000	4.000	7.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
135	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Doanh Bằng, xã Phụng Thượng	1	2023-2025	1790/QĐ-UBND 26/5/2023	11.622	8.415	8.400	3.000	3.000	5.400	1	UBND huyện Phúc Thọ	
136	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Quế Lâm, xã Hiệp Thuận	1	2023-2025	3424/QĐ-UBND 30/8/2023	11.569	9.792	9.700	3.000	3.000	6.700	1	UBND huyện Phúc Thọ	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
137	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kỳ Úc, thị trấn Phúc Thọ	1	2023-2025	3590/QĐ-UBND 08/9/2023	17.715	15.128	15.000	5.000	5.000	10.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
138	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bảo Lâm, xã Hát Môn	1	2023-2025	4748/QĐ-UBND 28/10/2023	49.095	41.583	41.500	15.000	15.000	26.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	
139	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Phương Độ, xã Sen Phương	1	2024-2026	997/QĐ-UBND 24/02/2024	17.138	14.236	14.000	4.000	4.000	10.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
140	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Độ, xã Sen Phương	1	2024-2026	970/QĐ-UBND 23/02/2024; 849/QĐ-BQLDA 25/7/2024	27.339	23.760	23.700	6.500	6.500	17.200	1	UBND huyện Phúc Thọ	
141	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Triệu Xuyên, xã Long Xuyên	1	2023-2025	3591/QĐ-UBND 08/9/2023	25.889	21.979	21.900	10.000	10.300	11.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
142	Tu tôn tạo di tích đình Quán Hạ (Quán dưới), xã Đồng Quang	1	2023-2025	4893/QĐ-UBND 20/10/2023	20.753	17.582	17.500	5.000	6.000	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
143	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cù Sơn Trung, xã Yên Sơn	1	2023-2025	4894/QĐ-UBND 20/10/2023	18.709	15.244	15.200	5.000	6.000	10.200	1	UBND huyện Quốc Oai	
144	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tinh Lam, xã Đại Thành	1	2023-2025	4892/QĐ-UBND 20/10/2023	23.083	19.621	19.500	6.000	7.000	13.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
145	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Nội, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai	1	2022-2025	4704/QĐ-UBND 13/10/2023; 3644/QĐ-UBND 19/6/2024; 155/QĐ-QLDA 01/6/2024	19.417	16.559	16.500	10.000	11.000	6.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
146	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Thượng (Quán trên) xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai	1	2023-2025	5872/QĐ-UBND 27/11/2023	14.851	11.842	11.800	5.000	5.150	6.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
147	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Văn Quang (chùa Hưng Phúc), xã Nghĩa Hương	1	2022 - 2025	5613/QĐ-UBND 13/11/2023; 6739/QĐ-UBND 26/10/2024	21.617	18.390	18.300	6.000	7.000	12.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
148	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thông Đạt, xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	1	2024-2025	5598/QĐ-UBND 08/11/2023; 559/QĐ-QLDA 21/11/2024	35.870	29.638	29.000	8.000	8.500	21.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
149	Tu bổ tôn tạo di tích đình Cấn Hạ, xã Cấn Hữu	1	2023-2025	4897/QĐ-UBND 20/10/2023	21.427	18.430	12.000	7.000	8.000	5.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
150	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hòa Mục, xã Hòa Thạch	1	Hết năm 2025	43/QĐ-UBND 12/01/2023; 7582/QĐ-UBND 29/12/2023	21.677	19.444	10.350	7.000	8.000	3.350	1	UBND huyện Quốc Oai	
151	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bái Nội, xã Liệp Tuyết	1	2023-2025	5599/QĐ-UBND 08/11/2023	32.802	27.171	25.000	8.000	9.000	17.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
152	Tu bổ, tôn tạo đình Báng, xã Nam Sơn	1	2021-2025	8825/QĐ-UBND 10/11/2022; 7843/QĐ-UBND 07/11/2024	19.589	15.767	14.000	12.700	15.750	1.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
153	Tu bổ, tôn tạo đình Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	1	2023-2025	7695/QĐ-UBND 10/11/2023; 813/QĐ-QLDA 14/10/2024	34.726	29.779	29.700	15.000	15.100	14.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
154	Tu bổ, tôn tạo đền Hương Gia, xã Phú Cường	1	2022-2026	3181/QĐ-UBND 30/5/2023	33.206	26.941	26.900	18.000	21.300	8.900	1	UBND huyện Sóc Sơn	
155	Tu bổ, tôn tạo đền Bà, xã Xuân Thu	1	2022-2026	9914/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.734	17.700	10.000	10.300	7.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
156	Tu bổ, tôn tạo đền Cà, xã Đông Xuân	1	2022-2026	3182/QĐ-UBND 30/5/2023	28.280	22.875	22.800	12.000	13.300	10.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
157	Tu bổ, tôn tạo đền Chôi, xã Đông Xuân	1	2022-2026	9913/QĐ-UBND 12/12/2022	22.000	17.729	17.500	10.000	11.300	7.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
158	Tu bổ, tôn tạo chùa Phú Xá Đoài, xã Phú Minh	1	2023-2025	6872/QĐ-UBND 12/10/2023	20.900	17.319	17.300	10.000	10.100	7.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
159	Tu bổ, tôn tạo Đình Lương Phúc, xã Việt Long	1	2021-2025	8107/QĐ-UBND 13/10/2022; 5136/QĐ-UBND 17/8/2023; 65/QĐ-QLDA 20/01/2024; 7677/QĐ-UBND 29/10/2024	21.210	18.081	18.000	15.000	15.050	3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
160	Tu bổ, tôn tạo đình Ninh Môn, xã Hiền Ninh	1	2023-2025	7768/QĐ-UBND 15/11/2023	15.317	12.162	12.000	10.000	10.100	2.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
161	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Trung, xã Đức Hòa	1	2023-2026	880/QĐ-UBND 07/02/2024	20.239	15.681	15.500	10.000	10.300	5.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
162	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Trúc Động, xã Đồng Trúc	1	2022-2025	8104/QĐ-UBND 31/10/2022; 5356/QĐ-UBND 18/11/2024	35.000	28.117	26.400	18.000	20.000	8.400	1	UBND huyện Thạch Thất	
163	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Yên Lạc xã Cần Kiệm	1	2022-2025	7731/QĐ-UBND 26/10/2022; 257/QĐ-BQLDA 12/5/2023; 5368/QĐ-UBND 19/11/2024	28.000	23.296	23.290	22.300	23.800	990	1	UBND huyện Thạch Thất	
164	Tu bổ, tôn tạo chùa Hữu Bằng	1	2022-2025	8741/QĐ-UBND 15/11/2022; 3380/QĐ-UBND 05/7/2024	25.000	20.095	20.000	10.000	10.500	10.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
165	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Chàng Sơn	1	2022-2025	8527/QĐ-UBND 14/11/2022; 5391/QĐ-UBND 21/11/2024	14.925	11.918	10.800	6.500	7.000	4.300	1	UBND huyện Thạch Thất	
166	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thấp, xã Hạ Bằng	1	2023-2025	8973/QĐ-UBND 22/11/2022; 391/QĐ-BQLDA 03/7/2023	25.952	22.228	22.200	20.000	22.000	2.200	1	UBND huyện Thạch Thất	
167	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Yên, xã Thạch Xá	1	2022-2025	707/QĐ-UBND 01/3/2023; 5377/QĐ-UBND 20/11/2024	18.000	14.932	14.932	14.500	16.000	432	1	UBND huyện Thạch Thất	
168	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đồng Táng, xã Đồng Trúc	1	2023-2025	DA-5096/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; TKKT-282/QĐ-UBND 02/12/2023; 5390/QĐ-UBND 21/11/2024	25.000	21.744	21.700	19.800	21.800	1.900	1	UBND huyện Thạch Thất	
169	Tu bổ, tôn tạo Đình Đại Đồng	1	2023-2025	DA-7599/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; TKKT-613/QĐ-BQLDA 05/9/2024	19.997	17.002	16.900	7.500	8.000	9.400	1	UBND huyện Thạch Thất	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
170	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Bến xã Dị Nậu	1	2023-2025	DA-1348/QĐ-UBND ngày 20/3/2023; TKKT-430/QĐ-BQLDA 09/7/2024	26.250	22.142	22.000	10.500	11.000	11.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
171	Tu bổ, tôn tạo đình Kim Quan xã Kim Quan	1	2023-2025	DA - 8271/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; TKKT-325/QĐ-BQLDA 07/6/2024	23.832	20.218	20.000	9.500	10.000	10.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
172	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Long Cảnh xã Kim Quan	1	2024-2025	8270/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	24.500	19.586	19.500	9.500	10.000	10.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
173	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lại Khánh, xã Lại Thượng	1	2024-2025	782/QĐ-UBND 05/02/2024	22.800	18.877	18.000	8.500	9.000	9.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
174	Tu bổ, tôn tạo di tích đình thôn Bến xã Dị Nậu	1	2022-2025	8787/QĐ-UBND 17/11/2022; 2695/QĐ-UBND 27/5/2024	18.000	14.303	14.300	4.500	5.000	9.800	1	UBND huyện Thạch Thất	
175	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Úc Lý (Vĩnh Quang Tự) xã Thanh Văn	1	2023-2025	11937/QĐ-UBND 01/11/2023	83.600	70.227	70.200	30.000	30.000	40.200	1	UBND huyện Thanh Oai	
176	Tu bổ tôn tạo di tích đình Rùa Thượng, xã Thanh Thủy	1	2023-2025	1679/QĐ-UBND 29/02/2024	20.000	14.253	14.200	10.000	10.000	4.200	1	UBND huyện Thanh Oai	
177	Tu bổ tôn tạo di tích đình Sinh Quả, xã Bình Minh	1	2023-2025	13291/QĐ-UBND 18/12/2023	22.800	19.050	19.000	13.000	13.000	6.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
178	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Bạch Nao, xã Thanh Văn	1	2023-2025	1799/QĐ-UBND 02/3/2024	19.000	16.132	16.100	11.000	11.000	5.100	1	UBND huyện Thanh Oai	
179	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, miếu Áng Phao, xã Cao Dương	1	2023-2025	04/QĐ-HĐND ngày 20/3/2023; 484/QĐ-UBND 20/01/2024	28.773	23.560	23.500	10.000	10.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
180	Tu bổ, tôn tạo đình Khê Tang thượng xã Cự Khê	1	2023-2025	04/QĐ-HĐND ngày 20/3/2023; 13596/QĐ-UBND 28/12/2023	22.221	18.068	18.000	11.000	11.000	7.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
181	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Quán	1	2024-2025	07/NQ-HĐND 27/6/2023; 1798/QĐ-UBND 02/3/2024	24.000	20.174	20.000	10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
182	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Cũ (Miếu Đồng cũ) xã Dân Hoà	1	2023-2025	11259/QĐ-UBND 27/10/2023	15.000	12.936	12.900	9.000	9.000	3.900	1	UBND huyện Thanh Oai	
183	Tu bổ tôn tạo di tích đình Đản Viên, xã Cao Viên	1	2023-2025	12008/QĐ-UBND 03/11/2023	15.000	12.561	12.500	9.000	9.000	3.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
184	Tu bổ tôn tạo di tích đình Văn Đồng, xã Xuân Dương	1	2023-2025	11074/QĐ-UBND 18/10/2023	15.000	12.516	12.500	9.000	9.000	3.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
185	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín	1	2023-2025	3483/QĐ-UBND 12/6/2023	9.934	7.934	7.500	5.500	5.900	2.000	1	UBND huyện Thường Tín	
186	Xây dựng khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi, tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín	1	2020-2025	3535/QĐ-UBND 25/9/2021; 776/QĐ-UBND 05/3/2024; 4780/QĐ-UBND 19/11/2024	193.863	142.346	65.000	36.500	145.667	28.500	1	UBND huyện Thường Tín	
187	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hạ - Đình Thượng, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín	1	2022-2025	5666/QĐ-UBND 07/11/2022; 4781/QĐ-UBND 19/11/2024	40.662	33.233	33.200	20.000	21.500	13.200	1	UBND huyện Thường Tín	
188	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Miếng Hạ, thôn Miếng Hạ, xã Hoa Sơn	1	2022-2025	1351/QĐ-UBND 24/11/2022; 7961/QĐ-UBND 21/11/2024	24.652	19.839	17.000	14.000	14.000	3.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
189	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đông Dương, thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn	1	2022-2025	932/QĐ-UBND 15/9/2022; 7978/QĐ-UBND 21/11/2024	28.000	22.516	17.000	9.000	9.000	8.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
190	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Động Phí, xã Phương Tú	1	2022-2025	814/QĐ-UBND 22/8/2022; 3713/QĐ-UBND 05/7/2023; ĐCTKKT - 6581/QĐ-UBND 30/8/2024; 7956/QĐ-UBND 21/11/2024	19.952	17.730	17.655	15.850	15.700	1.805	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
191	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bàu Bôi, thôn Cầu Bàu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà	1	2022-2025	815/QĐ-UBND 22/8/2022; 7958/QĐ-UBND 21/11/2024	28.000	24.904	17.000	12.675	12.675	4.325		UBND huyện Ứng Hòa	
192	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trần Đăng, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà	1	2022-2025	813/QĐ-UBND 22/8/2022; 7962/QĐ-UBND 21/11/2024	29.000	23.302	17.000	13.000	13.000	4.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
193	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Làng Cầu, xã Minh Đức	1	2022-2025	945/QĐ-UBND 21/9/2022; 7957/QĐ-UBND 21/11/2024	21.000	17.030	14.000	7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
194	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bật Ngõ, đình Chung, Ba thôn Bật, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà	1	2022-2025	626/QĐ-UBND 20/6/2022; 7959/QĐ-UBND 21/11/2024	24.000	20.376	20.300	10.000	10.000	10.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
195	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Bật Chùa (quán Đổng Dại), xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà	1	2022-2025	627/QĐ-UBND 20/6/2022	15.000	12.540	12.500	10.000	10.000	2.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
196	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bài Lâm Hạ, xã Hồng Quang	1	2023-2025	3367/QĐ-UBND 21/6/2023	25.000	19.957	19.900	15.000	15.000	4.900	1	UBND huyện Ứng Hòa	
197	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phổ Am, xã Đại Cường	1	2023-2025	1020/QĐ-UBND 06/3/2024	34.719	28.457	28.400	20.000	20.000	8.400	1	UBND huyện Ứng Hòa	
198	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cảnh Linh Tự, xã Sơn Công	1	2022-2025	629/QĐ-UBND 20/6/2022	20.021	17.152	17.100	7.000	7.000	10.100	1	UBND huyện Ứng Hòa	
199	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Nội Xá, xã Vạn Thái	1	2023-2025	3662/QĐ-UBND 30/6/2023	24.800	20.053	20.000	10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
200	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vũ Nội, xã Liên Bạt	1	2022-2025	1144/QĐ-UBND 18/10/2022; 7960/QĐ-UBND 21/11/2024	13.815	11.024	11.000	7.000	7.000	4.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
201	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phi Trạch, xã Phương Tú	1	2022-2025	628/QĐ-UBND 20/6/2022	15.000	12.611	12.600	9.000	9.000	3.600	1	UBND huyện Ứng Hòa	
202	Tu bổ, tôn tạo, di tích đền Trung Thượng, xã Đại Hùng	1	2023-2025	1015/QĐ-UBND 06/3/2024	20.000	16.791	16.700	10.000	10.000	6.700	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lấy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
203	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hoà	1	2022-2025	7945/QĐ-UBND 08/12/2023; 7955/QĐ-UBND 21/11/2024	26.000	20.660	16.000	8.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
204	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thanh Âm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà	1	2023-2025	1207/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	29.304	23.872	16.000	14.000	14.000	2.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
205	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lưu Khê, xã Liên Bạt	1	2022-2025	625/QĐ-UBND 20/6/2022; 7964/QĐ-UBND 21/11/2024	15.000	12.629	12.600	10.000	10.000	2.600	1	UBND huyện Ứng Hòa	
II	Dự án mới	17			913.098	641.823	284.065		5.000	284.065	7		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng Đền Và (giai đoạn 1)	1	2024-2027	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 1779/QĐ-UBND 30/10/2024	213.696	118.663	50.000			50.000		UBND thị xã Sơn Tây	
2	Mở rộng khuôn viên đền thờ Lãng Ngõ Quyền	1	2024-2027	26/NQ-HĐND 14/12/2023; 1827/QĐ-UBND 08/11/2024	154.814	75.483	27.015			27.015		UBND thị xã Sơn Tây	
3	Tu bổ, tôn tạo Chùa Báo Ân, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	1	2023-2026	03/NQ-HĐND 2/6/2023; 5126/QĐ-UBND 23/9/2024	143.363	120.667	40.000			40.000		UBND huyện Gia Lâm	
4	Đình Thượng Lâm, xã Thượng Lâm	1	2023-2025	CT- 445/QĐ-UBND 24/3/2023; DA- 4870/QĐ-UBND 06/9/2024	18.000	14.739	14.500			14.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Đình Đông Bình	1	2024-2025	CT- 1919/QĐ-UBND 25/4/2024; DA- 4020/QĐ-UBND 22/7/2024	6.000	5.008	5.000			5.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
6	Đền Thượng (Quán Trúc), xã Bột Xuyên	1	2024-2026	CT-3177/QĐ-UBND 25/6/2024; DA- 5758/QĐ-UBND 17/10/2024	19.717	15.227	11.650			11.650		UBND huyện Mỹ Đức	
7	Đình Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2023-2025	CT: 165/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; DA- 3148/QĐ-UBND 21/6/2024	20.000	15.257	7.500			7.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Quán Sỏi, xã Phúc Lâm	1	2024-2026	CT-2746/QĐ-UBND 31/5/2024; DA - 6005/QĐ-UBND 01/11/2024	20.000	16.281	7.500			7.500		UBND huyện Mỹ Đức	
9	Đình Hạ (đình Hạ Khâm Lâm), xã Phúc Lâm	1	2024-2026	CT-3005/QĐ-UBND 15/6/2024; DA - 5757/QĐ-UBND 17/10/2024	20.000	16.089	7.500			7.500		UBND huyện Mỹ Đức	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Đới	1	2024-2025	4821/QĐ-UBND 28/10/2024	26.469	19.751	8.600			8.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hạ Hòa, xã Tân Phú	1	2023-2025	3448/QĐ-UBND 11/6/2024	23.885	16.305	16.300			16.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cấn Thượng, xã Cấn Hữu	1	2022 - 2025	6630/QĐ-UBND 21/10/2024; 7236/QĐ-UBND 21/11/2024	36.984	29.882	29.800			29.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Cải tạo, nâng cấp di tích đình Nội Bình Đà, huyện Thanh Oai	1	2023-2026	07/NQ-HĐND 27/6/2023; 6464/QĐ-UBND 30/8/2024	150.000	126.859	40.000		5.000	40.000		UBND huyện Thanh Oai	
14	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Ngô Thị Nhậm, xã Tân Thanh Oai	1	2024-2026	46/NQ-HĐND 14/11/2023; 5783/QĐ-UBND 14/11/2024	12.785	11.066	6.000			6.000		UBND huyện Thanh Trì	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi	1	2024-2026	09/NQ-HĐND 11/6/2024; 5785/QĐ-UBND 14/11/2024	11.956	10.237	2.800			2.800		UBND huyện Thanh Trì	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhị Châu, xã Liên Ninh, xã Liên Ninh	1	2023-2025	32/NQ-HĐND 14/7/2023; 5774/QĐ-UBND 14/11/2024	5.000	4.272	2.400			2.400	1	UBND huyện Thanh Trì	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Xá, xã Tân Triều	1	2024-2026	46/NQ-HĐND 14/11/2023; 4305/QĐ-UBND 08/8/2024	30.429	26.037	7.500			7.500		UBND huyện Thanh Trì	



Phụ lục 9.9

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC
HẠ TẦNG KINH TẾ, NHÀ VĂN HOÁ THÔN**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	27			3.650.142	2.350.097	2.072.203	1.559.135	1.544.784	614.872	25		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>24</i>			<i>2.961.272</i>	<i>1.950.067</i>	<i>1.772.203</i>	<i>1.559.135</i>	<i>1.544.784</i>	<i>314.872</i>	<i>23</i>		
	<i>Dự án mới</i>	<i>3</i>			<i>688.870</i>	<i>400.030</i>	<i>300.000</i>			<i>300.000</i>	<i>2</i>		
L1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>24</i>			<i>2.961.272</i>	<i>1.950.067</i>	<i>1.772.203</i>	<i>1.559.135</i>	<i>1.544.784</i>	<i>314.872</i>	<i>23</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động	1	2022-2025	6034/QĐ-UBND 29/10/2021	89.769	49.138	45.100	35.100	35.100	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	1	2021-2025	6332/QĐ-UBND 17/10/2019; 7579/QĐ-UBND 13/10/2022; 8579/QĐ-UBND 19/12/2023; 7024/QĐ-UBND 29/11/2024	158.513	94.297	59.500	59.500	57.379	5.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn năm 2021 là 6,621 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bỏ tri lại 5 tỷ đồng năm 2025. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
3	Đường từ tỉnh lộ 419 đi trạm bơm tiêu An Vọng, xã Hoàng Diệu	1	2022-2025	6035/QĐ-UBND 29/10/2021; 7022/QĐ-UBND 29/11/2024	57.598	38.883	38.880	34.380	34.380	4.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Đường từ tỉnh lộ 419 đi cầu Gồm xã Mỹ Lương	1	2022-2025	6007/QĐ-UBND 28/10/2021; 796/QĐ-BQL 05/7/2022; 6882/QĐ-UBND 22/11/2024	37.270	32.448	32.400	30.970	30.970	1.430	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Đường từ Chợ Sẻ xã Hồng Phong đi xã Đồng Lạc, tỉnh lộ 429	1	2022-2025	6006/QĐ-UBND 28/10/2021; 639/QĐ-BQL 02/6/2022	124.847	111.866	111.000	98.500	98.500	12.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Cải tạo đê bồi tả Tích trên địa bàn xã Đông Sơn	1	2022-2025	1069/QĐ-UBND 04/3/2022; 1146/QĐ-BQL 22/8/2024; 7030/QĐ-UBND 29/11/2024	18.595	13.720	12.670	11.270	8.974	3.695	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2022 là 2,295 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bỏ tri lại 2,295 tỷ đồng KHV năm 2025. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMBT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Đường từ Quốc lộ 6 đến UBND xã Trung Hòa	1	2022-2025	1055/QĐ-UBND 03/3/2022; 7020/QĐ-UBND 29/11/2024	51.707	28.400	28.400	19.400	14.500	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2022 là 4,899 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bỏ trí lại 01 tỷ đồng KHV năm 2025. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
8	Đường liên xã Tuy Lai đi Đồng Tâm (tránh Thượng Lâm)	1	2021-2025	2563/QĐ-UBND 26/10/2021; 4525/QĐ-UBND 21/11/2022; 4398/QĐ-UBND 13/12/2023; 6608/QĐ-UBND 19/11/2024	79.988	53.012	53.000	52.100	52.100	900	1	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Đường trục phát triển kinh tế Văn Hoàng-Phượng Dực (nối từ TL429 đến đê sông Nhuệ)	1	2022-2025	5647/QĐ-UBND 02/11/2021; 2319/QĐ-UBND 17/5/2022	265.662	168.830	168.765	158.165	137.937	10.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
10	Đường giao thông liên xã Bạch Hạ - Minh Tân (giai đoạn 2)	1	2022-2025	5672/QĐ-UBND 03/11/2021; 3278/QĐ-UBND 25/7/2022	77.064	56.750	56.750	52.750	55.250	4.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Xây dựng tuyến đường trục trung tâm xã Tân Phú	1	2020-2025	4150/QĐ-UBND 30/10/2019; 7908/QĐ-UBND 30/12/2023; 7230/QĐ-UBND 21/11/2024	73.980	36.488	36.400	36.400	47.042	6.378	1	UBND huyện Quốc Oai	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2021 là 6,378 tỷ đồng, đã hoàn trả NSTP. Bỏ trí lại 6,378 tỷ đồng KHV năm 2025. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
12	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hoà Thạch - Đồng Yên)	1	Hết năm 2025	5079/QĐ-UBND 29/10/2018; 3560/QĐ-UBND 12/9/2019; 7907/QĐ-UBND 30/12/2023	368.889	215.487	96.000	36.500	41.499	59.500		UBND huyện Quốc Oai	
13	Xây dựng, hoàn chỉnh tuyến trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đoạn ĐH 02 đi ĐH 01 (Quốc Oai - Hòa Thạch)	1	2022-2025	2489/QĐ-UBND 05/4/2021; 4895/QĐ-UBND 20/10/2023	122.244	89.158	89.100	64.000	28.500	65.600	1	UBND huyện Quốc Oai	DA không giải ngân hết KH vốn kéo dài năm 2021, đã hoàn trả NSTP. Bỏ trí lại 40,5 tỷ đồng KHV năm 2025. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi
14	Xây dựng đường từ đường E Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi Đại Lộ Thăng Long	1	2022-2025	4517/QĐ-UBND 04/11/2021; 6860/QĐ-UBND 16/9/2022	340.668	173.561	173.500	144.400	197.971	29.100	1	UBND huyện Thạch Thất	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Đường giao thông liên xã Kim An-Đỗ Động (đoạn từ Kim An đi QL 21B)	1	2019-2025	2213/QĐ-UBND 29/10/2019; 8021/QĐ-UBND 15/11/2024	95.000	65.708	60.000	60.000	45.111	19.888	1	UBND huyện Thanh Oai	DA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021. Đã hoàn trả NSTP 19,888 tỷ đồng. Bỏ tri lại KHV năm 2025 là 19,888 tỷ đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
16	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	1	2021-2025	3133/QĐ-UBND 18/6/2021; 8048/QĐ-UBND 19/11/2024	145.000	95.949	95.000	95.000	88.561	16.438	1	UBND huyện Thanh Oai	DA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021, 2022. Đã hoàn trả NSTP 16,438 tỷ đồng. Bỏ tri lại KHV năm 2025 là 16,438 tỷ đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
17	Đường QL21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ (Giai đoạn II)	1	2021-2025	3134/QĐ-UBND 18/6/2021; 11223/QĐ-UBND 26/10/2023; 6940/QĐ-UBND 01/10/2024	48.000	28.656	28.600	28.600	23.295	10.305	1	UBND huyện Thanh Oai	DA không giải ngân hết vốn kéo dài năm 2021, 2022. Đã hoàn trả NSTP 10,305 tỷ đồng. Bỏ tri lại KHV năm 2025 là 10,305 tỷ đồng. KHV trung hạn 2021-2025 không thay đổi.
18	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ-Xuân Quang đi Đồng Lỗ (Giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	933/QĐ-UBND 09/11/2020; 374/QĐ-UBND 23/4/2021; 8003/QĐ-UBND 22/11/2024	130.000	106.564	102.354	100.500	106.625	1.854	1	UBND huyện Ứng Hòa	
19	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa Sơn	1	2021-2025	1095/QĐ-UBND 29/10/2021; 428/QĐ-UBND 10/6/2022; 7999/QĐ-UBND 22/11/2024	28.845	24.351	24.300	23.000	23.000	1.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
20	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hoà	1	2021-2025	827/QĐ-UBND 24/08/2021; 167-21/3/2023; 7807/QĐ-UBND 15/11/2024	267.380	188.107	188.100	169.800	169.800	18.300	1	UBND huyện Ứng Hòa	
21	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Hoà Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	1	2021-2025	828/QĐ-UBND 24/08/2021; 923/QĐ-UBND 04/10/2021; 7846/QĐ-UBND 15/11/2024	199.600	132.939	126.704	119.800	119.800	6.904	1	UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 NSTP hỗ trợ	KH vốn đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025	HT 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Giá trị XL + TB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
22	Đường giao thông xã Quảng Phú Cầu đi xã Liên Bạt kết hợp kênh tưới tiêu	1	2021-2025	988/QĐ-UBND 14/10/2021; 131/QĐ-UBND 08/3/2022; 8002/QĐ-UBND 22/11/2024	44.900	40.119	40.100	38.500	38.500	1.600	1	UBND huyện Ứng Hòa	
23	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Liên Bạt đi Trường Thịnh	1	2021-2025	1096/QĐ-UBND 29/10/2021; 1035/QĐ-UBND 07/3/2024; 7998/QĐ-UBND 22/11/2024	22.957	20.587	20.580	20.500	20.500	80	1	UBND huyện Ứng Hòa	
24	Cải tạo, nâng cấp và phát huy giá trị đầm Đượng (khu vực thôn Lễ Khê - Kỳ Sơn) xã Xuân Sơn	1	2022-2025	521/QĐ-UBND 06/6/2022	112.796	85.050	85.000	70.000	69.490	15.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
1.2	Dự án mới	3			688.870	400.030	300.000			300.000	2		
1	Xây dựng công viên trung tâm huyện Hoài Đức, xã Đức Giang	1	2024-2027	4737/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	371.602	161.564	100.000			100.000		UBND huyện Hoài Đức	
2	Xây dựng trường THCS Kim Hoa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2023-2025	1479/QĐ-UBND 17/4/2024; 5279/QĐ-UBND 28/11/2024	146.745	116.152	95.000			95.000	1	UBND huyện Mê Linh	Hỗ trợ DA vùng ảnh hưởng các dự án trọng điểm. Ngân sách huyện Mê Linh có trách nhiệm bố trí vốn phần còn lại để hoàn thành dự án.
3	Xây dựng trường Tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	2024-2026	2012/QĐ-UBND 21/5/2024; 5280/QĐ-UBND 28/11/2024	170.523	122.314	105.000			105.000	1	UBND huyện Mê Linh	



Phụ lục 9.10
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025 HỖ TRỢ XÂY DỰNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ
(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT		Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025	KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân từ đầu tư dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		CT HT năm 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư				Số dự án	Kế hoạch vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG			610.064	458.469	219.094	219.094	57	239.375	53		
	* Theo địa bàn:											
	Ba Vì			108.780	76.500	38.900	38.900	12	37.600	12		
	Chương Mỹ			59.104	37.694	15.694	15.694	6	22.000	6		
	Đan Phượng			82.383	60.000	21.000	21.000	6	39.000	3		
	Hoài Đức			45.567	24.230	11.500	11.500	4	12.730	4		
	Mỹ Đức			26.020	19.500	12.000	12.000	3	7.500	3		
	Phủ Xuyên			83.976	83.203	42.000	42.000	7	41.203	7		
	Phúc Thọ			110.306	101.542	56.000	56.000	9	45.542	9		
	Sóc Sơn			39.017	24.600	10.000	10.000	5	14.600	5		
	Thạch Thất			13.451	6.500			1	6.500			
	Ứng Hòa			34.960	19.500	9.000	9.000	3	10.500	3		
	Sơn Tây			6.500	5.200	3.000	3.000	1	2.200	1		
	* Theo chi tiết dự án											
I	Dự án chuyển tiếp			478.619	371.669	219.094	219.094	46	152.575	46		
1	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Sơn Đà	2024-2026	619/QĐ-UBND 26/2/2024	7.500	6.500	5.000	5.000	1	1.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Phú Đông	2024-2026	617/QĐ-UBND 26/2/2024	8.180	6.200	5.800	5.800	1	400	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Phú Sơn	2024-2026	616/QĐ-UBND 26/2/2024	8.500	5.900	5.800	5.800	1	100	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Minh Châu	2024-2026	618/QĐ-UBND 26/2/2024	9.500	6.500	6.300	6.300	1	200	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Lĩnh	2024-2026	620/QĐ-UBND 26/2/2024	8.000	6.500	5.000	5.000	1	1.500	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Cẩm Lĩnh	2024-2026	2823/QĐ-UBND 10/6/2024	8.720	6.500	4.000	4.000	1	2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Minh Quang	2024-2026	2897/QĐ-UBND 13/6/2024	7.000	6.100	3.500	3.500	1	2.600	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025	KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân từ đầu tư dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		CT HT năm 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư				Số dự án	Kế hoạch vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Tổng Bạt	2023-2025	2822/QĐ-UBND 10/6/2024	7.500	6.300	3.500	3.500	1	2.800	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đại Yên	2024-2025	6668/QĐ-UBND, 23/10/2023 7027/QĐ-UBND 29/11/2024	5.959	5.194	3.194	3.194	1	2.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
10	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Thượng Vực	2024-2025	746/QĐ-UBND 21/02/2024	10.962	6.500	3.500	3.500	1	3.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
11	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Tốt Động	2024-2025	750/QĐ-UBND 21/02/2024	10.411	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
12	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Lạc	2024-2025	747/QĐ-UBND 21/02/2024	10.254	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
13	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Hòa	2024-2025	751/QĐ-UBND 21/02/2024	10.404	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
14	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Đan Phượng	2023-2025	1192/QĐ-UBND 26/02/2024 2588/QĐ-UBND 14/5/2024	14.951	10.000	7.000	7.000	1	3.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
15	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Tân Hội	2024-2026	1191/QĐ-UBND 26/02/2024 2719/QĐ-UBND 15/5/2024	14.427	10.000	7.000	7.000	1	3.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
16	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Thọ An	2024-2026	1193/QĐ-UBND 26/02/2024 2580/QĐ-UBND 14/5/2024	14.820	10.000	7.000	7.000	1	3.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
17	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Đức Giang	2024-2026	2293/QĐ-UBND 5/6/2024	13.162	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
18	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Kim Chung	2024-2026	2289/QĐ-UBND 4/6/2024	12.527	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
19	Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Sơn Đồng	2024-2026	2354/QĐ-UBND 10/6/2024	11.354	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Hoài Đức	
20	Trụ sở làm việc Ban quân sự xã Tiền Yên, huyện Hoài Đức	2023-2025	170/QĐ-UBND 20/01/2016 04/NQ-HĐND 29/3/2024 3758/QĐ-UBND 12/8/2024	8.524	4.730	2.500	2.500	1	2.230	1	UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025	KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu tư dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		CT HT năm 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư				Số dự án	Kế hoạch vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
21	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hương Sơn	2023 - 2025	954/QĐ-UBND 21/2/2024	8.110	6.500	4.000	4.000	1	2.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
22	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Phùng Xá	2023 - 2025	956/QĐ-UBND 21/2/2024	8.760	6.500	4.000	4.000	1	2.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
23	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Hợp Tiến	2023 - 2025	955/QĐ-UBND 21/2/2024; 5109/QĐ-UBND 19/9/2024	9.150	6.500	4.000	4.000	1	2.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
24	Trụ sở làm việc của ban CHQS xã Nam Triều	2024-2026	771/QĐ-UBND 28/2/2024	13.954	13.954	7.000	7.000	1	6.954	1	UBND huyện Phú Xuyên	
25	Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Minh	2024-2026	769/QĐ-UBND 28/2/2024	10.937	10.937	6.000	6.000	1	4.937	1	UBND huyện Phú Xuyên	
26	Ban chỉ huy quân sự xã Khai Thái	2024-2026	765/QĐ-UBND 28/2/2024	12.598	12.598	6.000	6.000	1	6.598	1	UBND huyện Phú Xuyên	
27	Ban chỉ huy quân sự xã Hoàng Long	2024-2026	770/QĐ-UBND 28/2/2024	9.199	9.086	5.000	5.000	1	4.086	1	UBND huyện Phú Xuyên	
28	Trụ sở làm việc của ban CHQS thị trấn Phú Xuyên	2024-2026	768/QĐ-UBND 28/2/2024	14.460	14.000	7.000	7.000	1	7.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
29	Trụ sở làm việc của ban CHQS thị trấn Phú Minh	2024-2026	767/QĐ-UBND 28/2/2024	8.628	8.628	5.000	5.000	1	3.628	1	UBND huyện Phú Xuyên	
30	Ban chỉ huy quân sự xã Tri Thủy	2024-2026	766/QĐ-UBND 28/2/2024	14.200	14.000	6.000	6.000	1	8.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
31	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Trạch Mỹ Lộc	2024-2026	928/QĐ-UBND 21/2/2024	11.911	10.767	7.000	7.000	1	3.767	1	UBND huyện Phúc Thọ	
32	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Thuận	2024-2025	905/QĐ-UBND 20/02/2024	10.887	9.847	7.000	7.000	1	2.847	1	UBND huyện Phúc Thọ	
33	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Đình	2024-2025	906/QĐ-UBND 20/02/2024	14.800	13.457	7.000	7.000	1	6.457	1	UBND huyện Phúc Thọ	
34	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Tảo	2024-2025	907/QĐ-UBND 20/02/2024	11.507	10.961	7.000	7.000	1	3.961	1	UBND huyện Phúc Thọ	
35	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Tam Thuận	2024-2025	1744/QĐ-UBND 15/4/2024 2904/QĐ-UBND 12/6/2024	10.552	9.110	7.000	7.000	1	2.110	1	UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025	KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu tư dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		CT HT năm 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư				Số dự án	Kế hoạch vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
36	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Võng Xuyên	2024-2026	927/QĐ-UBND 21/02/2024	13.600	12.316	7.000	7.000	1	5.316	1	UBND huyện Phúc Thọ	
37	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Đa	2024-2025	908/QĐ-UBND 20/02/2024	13.512	12.328	7.000	7.000	1	5.328	1	UBND huyện Phúc Thọ	
38	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liên Hiệp	2024-2025	898/QĐ-UBND 20/02/2024	10.537	9.756	7.000	7.000	1	2.756	1	UBND huyện Phúc Thọ	
39	Xây dựng nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Phù Linh	2024-2025	4627/QĐ-UBND 19/6/2024	5.727	4.500	2.000	2.000	1	2.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
40	Xây dựng nhà làm việc BCH quân sự xã Nam Sơn	2024-2025	6293/QĐ-UBND 8/8/2024	8.505	6.500	3.500	3.500	1	3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
41	Xây dựng nhà làm việc Ban CHQS xã và cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Hồng Kỳ	2024-2025	4623/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	6.494	3.500	2.000	2.000	1	1.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng
42	Xây dựng nhà làm việc BCH quân sự xã Hiền Ninh	2024-2025	6294/QĐ-UBND 8/8/2024	6.476	5.300	2.500	2.500	1	2.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
43	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm	2023-2025	16/NQ-HĐND 21/8/2023 6552/QĐ-UBND 02/11/2023	11.270	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
44	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	19/NQ-HĐND 30/10/2023 6352/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	11.300	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
45	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2023-2025	19/NQ-HĐND 30/10/2023 6481/QĐ-UBND 23/8/2024	12.390	6.500	3.000	3.000	1	3.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
46	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Sơn Đông	2024-2026	233/QĐ-UBND 05/3/2024	6.500	5.200	3.000	3.000	1	2.200	1	UBND thị xã Sơn Tây	
II	Dự án khởi công mới			131.445	86.800			11	86.800	7		
1	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Phú Châu	2024-2026	4401/QĐ-UBND 21/8/2024	8.500	6.500			1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Tây Đằng	2024-2026	4541/QĐ-UBND 30/8/2024	14.150	6.500			1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Thủ tục đầu tư		KHV NSTP hỗ trợ 2021-2025	KH vốn NSTP đã hỗ trợ 2021-2024	Ước lũy kế giải ngân từ đầu tư dự án đến hết kế hoạch năm 2024	KHV NSTP hỗ trợ năm 2025		CT HT năm 2025	Cấp quyết định đầu tư/ Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư				Số dự án	Kế hoạch vốn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Xây dựng nhà làm việc Ban Quân sự xã Vật Lại	2024-2026	4521/QĐ-UBND 29/8/2024	10.000	6.500			1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đồng Thái	2024-2026	4519/QĐ-UBND 29/8/2024	11.230	6.500			1	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phương Đình	2024-2026	7596/QĐ-UBND 21/11/2024	14.694	10.000			1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	
6	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hồng Hà	2024-2026	7601/QĐ-UBND 21/11/2024	13.233	10.000			1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	
7	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Liên Hồng	2025-2027	7448/QĐ-UBND 19/11/2024 7625/QĐ-UBND 22/11/2024	10.258	10.000			1	10.000		UBND huyện Đan Phượng	
8	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Chúc Sơn	2024-2025	6617/QĐ-UBND 14/11/2024	11.114	6.500			1	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hát Môn	2024-2026	5487/QĐ-UBND 13/11/2024	13.000	13.000			1	13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
10	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự và cải tạo trụ sở HĐND - UBND xã Tân Dân	2024-2026	8488/QĐ-UBND 27/11/2024	11.815	4.800			1	4.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	NSTP hỗ trợ thuộc hạng mục xây dựng Ban CHQS cấp xã gồm: Xây dựng, thiết bị, dự phòng
11	Xây dựng mới Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phú Kim	2024-2025	7331/QĐ-UBND, 31/10/2023	13.451	6.500			1	6.500		UBND huyện Thạch Thất	



Phụ lục 9.11

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số ĐA	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được duyệt		KHV năm 2025	Cập nhật KHV trung hạn 2021- 2025 cho công tác chuẩn bị đầu tư	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày tháng	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số kế hoạch vốn							300.000				
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết	2					918.392	1.241	1.241			
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp	1	Thanh Trì	Dự kiến 2026- 2030	4700/QĐ- UBND 06/9/2024		790.254	241	241		Sở Xây dựng	
2	Xây dựng Trụ sở Thanh tra Thành phố Hà Nội	1	Hoàn Kiếm	2026- 2028		42/NQ- HĐND 04/10/2024	128.138	1.000	1.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP		
II	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết							298.759				